

SCOTT O'DELL



Hòn đảo Cá heo Xanh

ISLAND OF THE BLUE DOLPHINS



vh Nhà xuất bản Văn Học

Hòn đảo cá heo xanh

Scott O'Dell

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

HÒN ĐẢO CÁ HEO XANH

LỜI DẪN

CHƯƠNG I: CON CÁ VOI ĐỎ

CHƯƠNG II: PHẢN BỘI VÀ RA ĐI

CHƯƠNG III: RAMO EM TÔI

CHƯƠNG IV: MỘT MÌNH TRÊN HẢI ĐẢO

CHƯƠNG V: NGÔI NHÀ MỚI

CHƯƠNG VI: ĐÔI MẮT CÁO

CHƯƠNG VII: NHỮNG NGƯỜI BẠN MỚI

CHƯƠNG VIII: BỌN ALEUT TRỞ LẠI

CHƯƠNG IX: TUTOK

CHƯƠNG X: THẾ GIỚI LOÀI VẬT

CHƯƠNG XI: NHỮNG NGƯỜI KHÁCH

CHƯƠNG XII: CHUYẾN DU HÀNH VỀ HƯỚNG ĐÔNG

LỜI DẪN

Scott O'Dell là một nhà văn Mỹ. Ông sinh năm 1898 tại Los Angeles và lớn lên ở bờ biển Đại Tây Dương tại California. Sau khi tốt nghiệp Đại học Stanford, ông làm việc trong công nghiệp phim ảnh tại Hollywood và Rome. Sau đó ông trở thành phóng viên báo chí. Ông viết ba quyển sách cho độc giả trẻ, tất cả đều thành công. Ông mất năm 1989.

Quyển “Hòn Đảo Cá Heo Xanh” (1960) là quyển sách nổi tiếng nhất của ông. Đảo Cá Heo Xanh là một đảo có thật, đảo này tên gọi San Nicolas, không cách xa nhà của O'Dell ở California. Trong sách ông đã đổi tên, nhưng ông dùng những dữ kiện lịch sử về hòn đảo đó. Năm 1602 một người Tây Ban Nha đã phát hiện ra đảo. Trên đảo có thổ dân sinh sống cách đó 4.000 năm. Sau khám phá của người Tây Ban Nha, vài người khách đến viếng, rồi nhiều người đến sinh sống yên bình trên đảo. Năm 1835, người dân trên đảo bị tàu bắt đưa đi. Một cô gái không đồng ý. Cô nhảy từ trên tàu xuống biển, bơi trở về nhà. Cô sống một mình trên đảo cho đến năm 1853.



CHƯƠNG I CON CÁ VOI ĐỎ

Chiếc tàu Aleut đến đảo chúng tôi vào một buổi sáng mùa xuân. Lúc đầu, nó chỉ là một cái chấm, giống như một cái vỏ sò nhỏ trên mặt biển. Nó đến gần hơn và trông to hơn. Giờ thì giống như một con chim trên mặt nước. Sau cùng tôi trông thấy rõ ràng. Giờ tôi đã biết nó là cái gì. Đó là một con tàu màu đỏ với hai cánh buồm cũng màu đỏ.

Em tôi và tôi đang nhổ các cây cỏ củ gần bãi biển. Các loại cây này chỉ mọc vào mùa xuân. Em tôi, Ramo, được sáu tuổi, còn tôi mười hai tuổi. Nó nhỏ con so với tuổi và rất khéo. Nhưng nó sẽ quên ngay công việc khi có chuyện gì hấp dẫn nó. Giờ tôi cần sự giúp đỡ của nó, do vậy tôi không nói gì về vỏ sò và con chim. Tôi tiếp tục đào kiếm củ với cây gậy của tôi.

Nhưng đôi mắt của Ramo không bỏ sót mọi việc. Đôi mắt của nó to, đen, đôi khi trông như buồn ngủ. Chính lúc đó là lúc nó trông rất rõ. Giờ đây đôi mắt nó mở hé hé.

“Biển rất êm”, Ramo nói. “Đó là khối đá trên đó không có vết gợn.”

“Biển không là khối đá không vết gợn,” tôi nói. “Đó là nước không có sóng.”

“Theo em, đó là một khối đá xanh. Và hôm nay có một đám mây nhỏ ngồi trên khối đá.”

Tôi cho rằng Ramo có thể đã thấy con tàu.

“Mây không ngồi trên đá,” tôi nói.

“Nhưng mà đám mây đó có đấy.”

“Không phải ngồi trên biển,” tôi nói. “Cá heo và chim ngồi trên đó, và tất cả cá voi nữa. Nhưng mây thì không phải.”

Ramo nhìn chiếc tàu. Nó không biết chiếc tàu như thế nào. Tôi biết bởi vì tôi đã nghe cha tôi miêu tả một chiếc tàu. Tôi nhớ những lời nói của cha tôi.

“Có thể đó là một con cá heo bọt hoặc một con cá voi,” Ramo nói.

“Trong lúc em cứ nhìn ra biển,” tôi nói. “Chị đào kiếm củ. Chị có cái gì để dùng còn em không có gì cả.”

Ramo bắt đầu đào, nhưng nó không nhìn xuống đất. Chiếc tàu với những cánh buồm đỏ càng đến gần.

“Chị có biết con cá voi đỏ như thế nào chứ?” Nó hỏi.

“Có biết.” Tôi đáp, nhưng đó chỉ là lời nói dối. Trên đời không có con cá voi đỏ!

“Em chỉ biết cá voi xanh.” Ramo nói.

“Em còn quá nhỏ. Em không biết hết mọi vật lợi trong biển.”

“Đó là chiếc xuồng!” Ramo bỗng la lên. “Một chiếc thuyền bọt.”

Nó chạy xuống bãi cỏ dài, kích động la lớn. Tôi còn kích động hơn cả Ramo. Tôi biết đó là chiếc tàu. Đó là không phải chiếc thuyền lớn. Không rõ nó sẽ mang đến những điều tốt lành cho đảo, hay mang đến sự xáo trộn? Tôi muốn buông cây gậy và chạy theo Ramo. Nhưng tôi không làm. Thức ăn cần cho người làng.

Tàu Aleut chạy qua một thảm cỏ rộng bao quanh đảo, sau đó nó len lỏi qua những khối đá và tiến đến bãi.

Dân làng đã biết có tàu đến. Đàn ông chạy ra bờ biển, đàn bà thì đứng trên các bờ đá cao.

Túi xách của tôi đã đầy củ, do vậy tôi đi nhanh khỏi bờ biển. Tôi nép mình trong bãi cỏ cao ở đỉnh bờ đá và nhìn xuống bãi cát trắng. Phân nửa đàn ông của làng đứng chờ gần bờ biển. Số còn lại nấp sau những khối đá nằm dưới chân con đường mòn. Họ sẵn sàng tấn công những người khách lạ nếu bọn người này tỏ ra không thân thiện.

Bảy người đàn ông rời tàu trên một chiếc xuồng nhỏ. Sáu người dân Aleut, mặt họ hẹp, rộng, tóc đen dài. Người thứ bảy cao ráo, râu tóc vàng hoe, gã đứng trên chiếc xuồng.

Cha tôi thường nói chuyện với người Bắc Âu. Người Bắc Âu đến từ phương Bắc và dân làng tôi sợ họ. Người đàn ông với bộ râu này có thể là người Bắc Âu.

Chiếc xuồng cập bãi. Gã người cao ráo nhảy khỏi xuồng và la hét gì đó với những người kia. Tiếng nói nghe rất xa lạ đối với tôi. Tôi biết gã là người Bắc Âu.

Gã nói với dân làng bằng tiếng nói của chúng tôi. “Tôi là bạn,” gã nói chậm chạp. “Tôi muốn nói chuyện với các bạn.”

Cha tôi bước đến chỗ gã: “Ta là Tù trưởng của Ghalas-at,” cha nói: “Tên tôi là Tù trưởng Chowig.”

Tôi ngạc nhiên vì cha nói tên thật cho người lạ nghe. Chúng tôi mỗi người có hai tên. Tên thật rất bí mật và rất đặc biệt nên chúng tôi ít khi dùng. Mọi người gọi tôi là Wen-a-pa-lei, con gái Tóc Đen Dài. Tên bí mật của tôi là Karana. Tên bí mật của cha là Chowig.

Gã đàn ông mỉm cười, đưa bàn tay lên: “Tên tôi là Orlov.” Gã nói: “Tôi cùng với bốn mươi người đi săn rái cá. Tôi muốn ở lại trên đảo các ông vào mùa hè.”

Cha tôi không nói gì. Đây không phải là lần đầu tiên người Aleut đến viếng đảo chúng tôi. Đã từ

rất lâu họ đến để săn rái cá, cha tôi rất nhớ điều đó.

“Ông nhớ một chuyến đi săn khác.” Orlov nói khi cha tôi không đáp lời gã. “Tôi cũng biết chuyện đó. Có sự xáo trộn bởi vì dân của ông phải làm đủ mọi chuyện.”

“Đúng vậy,” cha tôi nói: “Chúng tôi đã không nghỉ ngơi trong nhiều tháng.”

“Lần này người của tôi sẽ săn rái cá.” Orlov nói: “Chúng tôi sẽ lấy da của chúng. Các ông sẽ được một phần, chúng tôi hai phần. Chúng tôi sẽ mua lại của ông.”

“Phần của chúng tôi cũng như phần của các ông.” Cha tôi nói.

Orlov nhìn ra biển, “Chúng ta sẽ bàn chuyện đó về sau.” Gã nói. “Sắp có bão. Tôi muốn đem đồ đạc từ tàu vào.”

“Tôi đồng ý.” Cha tôi nói.

Gã Bắc Âu vuốt râu: “Biển cả đâu phải của các ông. Tại sao chúng tôi chia phần cho các ông?”

Cha tôi đáp: “Biển cả chung quanh Đảo Cá Heo Xanh thuộc về chúng tôi.”

“Từ đây đến bờ Santa Barbara à?” Orlov hỏi: “Cả sáu mươi dặm đấy!”

“Không, chỉ phần biển sát đảo, nơi rái cá sống.”

Người của chúng tôi giờ đứng cả trên bờ cát. Orlov nhìn họ, bỗng mỉm cười với cha tôi.

“Các phần sẽ như nhau.” Gã đồng ý.

Trên đảo của chúng tôi gió thổi mạnh hầu như suốt cả ngày. Đôi khi gió từ Tây Bắc đến, đôi khi từ hướng Đông đến. Vì gió thổi quá mạnh nên cây cối không lớn và thẳng nổi. Ngay cả những rừng cây, cũng chỉ có những thân cây khẳng khiu. Vào mùa hè đôi khi có gió dịu hơn.

Làng của chúng tôi, Ghalas-at nằm ở phía Đông của đảo. Phía này gần bãi biển và có nước ngọt. Về phía Bắc của làng, cách chỗ chúng tôi một dặm, cũng có một con suối nhỏ. Chính ở nơi này bọn Aleut dựng lều của họ.

Tối hôm đó, cha tôi nói chuyện với dân của người.

“Các cách cư xử của bọn Aleut – tiếng nói của họ khác với chúng ta.” Cha nói. “Bọn họ đến đây để đánh bắt rái cá. Chúng ta sẽ để cho họ phần da rái cá. Họ sẽ đưa trở lại cho chúng ta những vật dụng mà chúng ta cần. Điều này rất tốt cho chúng ta. Nhưng chúng ta không phải là bạn của bọn họ, và bọn họ cũng không phải là bạn của chúng ta. Nhiều năm trước, những tay săn bắt khác cũng đã đến đây và đã gây nhiều phiền phức. Bọn chúng đều là người Aleut.”

Do vậy chúng tôi không đến gần người Aleut, và người Aleut cũng không đến làng chúng tôi. Dĩ nhiên chúng tôi biết điều họ làm. Vài người của chúng tôi đứng trên dốc đá nhìn họ săn bắt. Chúng tôi đếm số rái cá họ giết mỗi ngày. Vài người khác canh chừng lều của họ. Chúng tôi cũng theo dõi chỗ bãi biển.

Ramo nói: “Người Aleut ngồi trên đá và chài râu mỗi buổi sáng. Họ chài cho đến bao giờ râu bóng như mặt trên vỏ sò.”

Một ngày nọ, chị lớn của tôi, Ulape, bảo có một người con gái Aleut ở trong đám người đi săn:

“Cô ta ăn mặc như đàn ông.” Ulape nói. “Nhưng cô ta đội mũ làm bằng da thú. Dưới cái mũ là mái tóc dày thả xuống đến tận eo.”

Không ai tin Ulape. Chúng tôi cười to với cái ý là sao lại có người phụ nữ sống cùng với người đi săn. Chúng tôi biết những người này không bao giờ đem vợ theo khi đi hành nghề.

Bọn Aleut cũng canh chừng chúng tôi, và chúng tôi phát hiện ra điều đó do tình cờ.

Năm nay vào lúc này đây, chúng tôi không đánh được nhiều cá bởi vì sóng to đã khiến chúng lặn xuống vùng nước sâu. Do vậy chúng tôi không có cái gì nhiều để ăn.

Một ngày nọ, chị Ulape đi đến mấy kè đá hi vọng sẽ kiếm được một ít tôm cua. Thành linh chị nghe có tiếng động lớn sau lưng chị.

Chị quay lại nhìn thấy những cái khối màu bạc chuyển động gần các tảng đá. Chị biết đó là những con cá to, to gần bằng chị. Bọn chúng đã cố lặn để tránh những con cá mập đói mồi. Gần bờ biển nước không sâu lắm và những đợt sóng bất thần đã ném một số cá lên đá.

Ulape để rơi cái giỏ đựng tôm cua xuống, chạy vội về làng. Chị nói không ra hơi khi về đến làng. Phụ nữ đang nấu bữa ăn chiều. Họ dừng công việc lại, chờ nghe Ulape nói.

“Cá”, sau này chị cũng nói được.

“Ở đâu? Ở đâu?” Có ai đó hỏi.

“Trên đá. Khoảng một chục con. Có thể hơn.” Ulape đáp.

Mọi người vội chạy ra chỗ bờ đá. Cá có thể nhảy trở xuống biển.

Chúng tôi chạy lên chỗ dốc đá và nhìn xuống. Cá còn ở đó nhưng nước biển đang lên cao. Sóng sắp chồm qua các khối đá. Chúng tôi kéo cá đến chỗ cao hơn, nơi sóng biển không thể lên tới. Cá thật to và nặng, do vậy phải hai người đàn bà mới khiêng nổi một con.

Có đủ cá cho mọi người dùng trong buổi tối hôm nay và ngày mai. Nhưng vào buổi sáng hôm sau, hai tên Aleut đến làng xin nói chuyện với cha tôi.

“Các ông bắt được cá.” Một trong hai người nói với cha tôi.

“Chúng tôi chỉ có đủ cho người chúng tôi ăn.” Cha tôi đáp.

“Các ông bắt được mười bốn con.”

“Giờ còn bảy con, chúng tôi đã ăn bảy.”

“Các ông có thể cho chúng tôi hai con.”

“Các ông có bốn mươi người ở trong lều.” Cha tôi đáp. “Nhưng chúng tôi có hơn bốn mươi. Các ông có cá của các ông. Các ông đã đem theo cá khô khi các ông đến đây.”

“Chúng tôi ăn cá khô đã ngán đến tận cổ.” Tên Aleut nói.

“Các ông là những người đi săn,” cha nói. “Hãy đánh cá tươi mà ăn khi đã ngán cá khô. Tôi phải lo cho dân tôi.”

“Nếu như ông từ chối không cho chúng tôi vài con, tôi sẽ nói với Orlov.”

“Hãy nói với y đi,” cha tôi không nhượng bộ. “Và hãy nói với y nghe các lý lẽ của chúng tôi.”

Đêm hôm đó chúng tôi ăn số cá còn lại, và chúng tôi rất sung sướng. Chúng tôi ăn và hát ca, những người già kể chuyện đời xưa chung quanh bếp lửa. Chúng tôi không biết sự vui sướng của chúng tôi sẽ mang đến cho chúng tôi bao nhiêu phiền phức.

Mỗi ngày người Aleut đi săn rái cá. Họ cột các con thú chết vào thuyền của họ. Ban đêm họ đem về đảo.

Trong biển cả, rái cá khác hẳn các con thú khác. Chúng có bốn chân nhỏ, nhờ đó chúng lội rất nhanh. Da của chúng dày và đẹp. Chúng thích nằm ngửa trên những thảm cỏ, chơi đùa và ngủ nghê dưới ánh mặt trời. Những người Aleut dùng lao giết những con thú vô tư đó vì bộ da của chúng. Đêm đến họ lột da các con thú và xẻ thịt chúng ra. Những con rái cá chết nằm la liệt trên bãi, nước biển nhuộm đỏ máu của chúng.

Mỗi đêm, dân làng chúng tôi lên bờ đá để đếm số da. Tôi không bao giờ lên đó. Tôi luôn nổi giận khi thấy những ngọn lao của người Aleut. Rái cá là bạn của tôi và tôi thương yêu chúng. Tôi vui thích khi thấy chúng đùa giỡn trong sóng nước.

Một ngày nọ tôi nói với cha tôi.

“Người Aleut đã giết quá nhiều rái cá,” tôi nói. “Chung quanh đây giờ gần như không còn.”

Cha tôi cười to: “Còn rất nhiều rái cá ở những chỗ khác. Bọn chúng sẽ lại đến đây khi bọn đi săn ra đi.”

“Bọn họ sẽ giết chết hết chúng,” tôi nói. “Sáng nay bọn họ đã đi truy tìm chúng ở bờ biển phía Nam. Tuần sau nữa, họ sẽ đi đến chỗ khác.”

“Tuần tới, họ sẽ chuẩn bị về nhà.” Cha tôi an ủi.

Cha tôi biết bọn Aleut chuẩn bị về nhà. Vài người trẻ của chúng tôi, theo lời dạy của cha, đóng một chiếc thuyền. Họ làm thuyền bằng một cây gỗ to tìm được trên bãi biển.

Trên đảo chỉ có một ít cây nhỏ, nhưng đôi khi sóng biển mang đến bãi cát những thân cây chết. Thường chúng tôi đem cây về làng, và người làng đóng thuyền ở đây. Lần này chúng tôi đóng thuyền trên bãi. Và đêm nay, họ sẽ ngủ ở đó. Tất cả chúng tôi đều biết có một lý do: người của chúng tôi canh chừng bọn Aleut! Tên Orlov có chịu trả da cho chúng tôi không? Hay là gã định lên đi vào ban đêm.

CHƯƠNG II PHẢN BỘI VÀ RA ĐI

Một buổi sáng sớm, người Aleut mang đồ đạc của họ ra bãi biển. Đó là một ngày u ám và có gió mạnh đến từ phương Bắc. Chúng tôi chưa được nhận tiền về da rái cá. Do vậy người của chúng tôi vội vã băng qua khe chạy ra bãi. Đàn bà nấp trong các bụi cỏ cao trên bờ đá. Tôi và chị Ulape cũng nấp ở đấy.

Cả những chồng da rái cá nằm trên bờ đá. Phân nửa các tên săn bắt đã ở trên tàu. Số còn lại ném da rái cá lên trên xuống. Cha tôi đang nói chuyện với Orlov, tôi không nghe được lời họ nói. Đám người Aleut nói cười ầm ĩ.

Chiếc xuồng giờ đã đầy da rái cá, nó được chèo ra tàu. Orlov đưa bàn tay lên ra dấu. Trong một thời gian ngắn, chiếc xuồng từ chỗ tàu trở lại cùng với một cái rương đen. Hai tên đi săn khiêng cái rương lên bờ.

Orlov giở nắp rương và lấy ra hai hay ba chuỗi hạt trai. Bầu trời không có nhiều ánh sáng, những hạt trai lấp lánh trên tay y. Ulape rất xúc động, tôi nghe có những tiếng trầm trồ của đám phụ nữ. Mọi người trong bọn họ đều yêu các hạt trai màu. Nhưng tiếng trầm trồ của họ im bật khi cha lên tiếng.

“Một chuỗi hạt trai đổi lấy một tấm da rái cá là không đủ.” Cha nói.

“Một chuỗi hạt trai và một đầu ngọn giáo bằng kim loại.” Orlov nói.

“Một cái rương không đủ.”

“Còn nhiều rương khác ở trên tàu.” Orlov biện bạch.

“Vậy thì mang xuống đây. Có tất cả chín trăm tấm da rái cá ở trên tàu và năm mươi tấm ở đây. Chúng ta phải nhận được ba rương nữa cùng kích thước này.”

Orlov nói gì đó với các tên Aleut nhưng tôi không hiểu.

Bọn Aleut lại mang các tấm da lên xuồng. Cha tôi đứng giữa bọn chúng và chiếc xuồng.

Cha nói: “Các tấm da còn lại phải để lại đây. Các người có thể đem nó đi khi cái rương khác xuống đây.”

“Chúng tôi cần đem mọi thứ lên tàu.” Orlov nói, y nhìn lên trời. “Sắp có dông bão.”

“Đem rương xuống đây. Sau đó chúng tôi sẽ đưa xuồng giúp các ông.”

Orlov không nói gì. Y nhìn quanh, nhìn người của chúng tôi đứng trên bãi. Y nhìn lên bờ đá và nhìn cha tôi. Y nói gì với bọn Aleut. Sau đó y lên xuồng và đi về tàu.

Bọn đi săn di chuyển nhanh. Ulape và tôi chồm dậy, có tiếng la của đám đàn bà phía sau lưng chúng tôi. Cha tôi nằm gục trên đá, mặt ông đầy máu. Ông từ từ đứng dậy.

Dân làng nâng giáo lên và chạy xuống bãi về hướng Aleut. Một chùm khói trắng nhỏ bốc lên từ chỗ chiếc tàu. Chúng tôi nghe một tiếng nổ lớn, thế là năm người chúng tôi ngã xuống. Trận chiến diễn ra trên bãi. Người ta ngã xuống rồi lại đứng lên chiến đấu tiếp. Vài người ngã xuống không đứng lên nữa. Cha tôi là một trong những người không đứng lên.

Orlov từ tàu trở lại với nhiều tên Aleut khác. Dân làng chúng tôi bị đẩy lùi về phía dốc đá. Giờ

phía chúng tôi không còn nhiều người nhưng họ tiếp tục chiến đấu.

Bỗng Orlov và thủ hạ của y quay người lại và chạy ra chỗ xuống. Người của chúng tôi không đuổi theo. Bọn đi sẵn ra đến tàu. Chúng giương những cánh buồm đỏ, chiếc tàu chạy giữa hai dãy đá ra khỏi Ghalas-at. Chúng tôi nhìn theo chiếc tàu đi xa dần. Một chùm khói trắng từ tàu bốc lên, một tiếng hú lạ bay qua đầu của chúng tôi. Giống như tiếng một con chim lớn đang bay.

Cha tôi đã chết. Mọi người đều cho rằng lý do cái chết của cha là do lỗi của người. Cha đã nói cho Orlov biết tên bí mật của ông. Trong khi đánh nhau, không ai còn có sức mạnh nói ra tên bí mật của mình.

Trước khi đánh nhau, chúng tôi có bốn mươi hai người đàn ông. Giờ chỉ còn mười lăm, trong đó hết bảy ông lão. Mỗi người đàn bà mất một người cha hoặc một người chồng, một người anh hay một đứa con trai. Trong mười lăm ngày đầu tiên, cả làng nghe vắng lặng.

Chúng tôi không thường đi xuống bãi. Khúc cây nằm ở đây, nhưng không ai muốn làm cho xong chiếc xuống. Mọi người quên lửng cái rương đựng hạt trai và dầu mũi giáo. Chúng tôi chỉ đi tìm lương thực.

Chúng tôi chọn thủ lĩnh mới. Tên ông là Kimki, ông rất già. Nhưng ông là người tốt, trong thời ông còn trẻ, ông là người săn bắt giỏi. Kimki triệu tập toàn thể chúng tôi lại và nói:

“Trong quá khứ, đàn ông của chúng ta đi săn bắt cá để phục vụ chúng ta. Đàn bà nấu ăn, may vá quần áo. Giờ phần lớn đàn ông đã chết, do vậy đàn bà phải học làm công việc của đàn ông. Sự thay đổi này không bình thường lắm, nhưng là cần thiết. Tất cả chúng ta sẽ chết nếu các người không đồng ý.”

Kimki phân công cụ thể cho mỗi người đàn ông, đàn bà và trẻ con. Ông bảo chị Ulafe và tôi.

“Công việc của các cháu là bắt cua ốc trong các kẽ đá. Còn em các cháu có trách nhiệm giữ cua ốc không bị chó và chim ăn.”

Công việc của Ramo thật là khó khăn bởi vì trên đảo có rất nhiều chim, và cả nhiều chó nữa. Một số chó là của dân làng. Khi chủ của chúng chết, chúng bỏ làng vào rừng. Sau đó chúng trở về làng để ăn cắp thực phẩm. Mỗi buổi chiều, tôi và chị Ulafe giúp Ramo bỏ cua ốc vào bao. Sau đó chúng tôi đem về làng.

Mùa thu và mùa đông là mùa tôi rất đau buồn. Cha tôi là một người vóc dáng cao, khỏe mạnh và tử tế, tôi không thể quên người. Mẹ tôi đã mất, tôi và Ulafe luôn làm công việc của bà. Giờ chúng tôi chỉ còn Ramo và thật khó mà trông chừng nó.

Vào mùa xuân, Kimki quyết định đi khỏi đảo.

“Tôi sẽ dùng một chiếc xuống.” Ông nói, và đi đến xứ sở ở phía Đông. “Tôi đã đến đó một lần khi tôi còn là một đứa trẻ. Giờ tôi sẽ đi một lần nữa và sẽ xây nhà cho các người tại đó. Tôi sẽ đi một mình vì tất cả đàn ông đều cần có mặt ở nơi đây. Tôi sẽ trở lại sau một thời gian.”

Chúng tôi đi ra ngoài và thu gom trái cây, tằm cua cho ông. Ông rời Ghalas-at vào một ngày đẹp trời. Ông đi trên một chiếc xuống to nhất. Xuồng chở nước và thực phẩm cho chuyến đi. Ông chèo chậm chậm giữa những khối đá và qua các bãi sỏi. Mặt trời buổi sáng tạo một vệt sáng trên mặt nước. Ông chèo theo con đường đó về phương Đông cho đến khi chúng tôi không còn thấy ông nữa.

Một tháng sau, chúng tôi bắt đầu trông ra biển. Mỗi ngày, ngay cả những ngày bão tố, cũng có người đứng trông và chờ đợi ông Kimki trở về.

Nhiều tháng trôi qua, chúng tôi trông ngóng và chờ đợi.

Mùa đông đi qua và mùa xuân lại đến, nhưng mặt biển vẫn vắng bóng người. Mùa xuân chấm dứt, mùa hè bắt đầu. Ông Kimki vẫn không về.

Đã đến mùa bọn Aleut đi săn rái cá. Dân làng chúng tôi trông chừng xem các cánh buồm màu đỏ của bọn chúng có đến hay không. Giờ đây chúng tôi chỉ có tám người đàn ông khỏe mạnh để bảo vệ chúng tôi.

“Nếu như bọn Aleut đến, chúng ta không thể ngăn cản bọn chúng.” Dân làng nói. “Chúng sẽ giết chúng ta.”

Chúng tôi quyết định sẽ rời đảo nếu như chúng tôi thấy tàu của bọn chúng.

Cá muối, trái cây và nước được để trong xuồng. Chúng tôi giấu xuồng dưới những dốc đá cao. Khi tàu của bọn Aleut đến, chúng tôi sẽ chèo đi. Chúng tôi hi vọng sẽ đến miền đất ở hướng Đông.

Mỗi đêm, vài người chúng tôi canh chừng bờ biển. Một đêm nọ, tiếng la của một người canh đánh thức tất cả mọi người.

“Bọn Aleut, bọn Aleut!”

Chúng tôi nhanh chóng choàng dậy và gói ghém một ít đồ đạc. Tôi chụp lấy cái váy bằng cỏ và cái áo khoác bằng da rái cá. Cái váy rất đẹp. Tôi cần cái áo khoác vì nó sẽ giúp tôi khỏi bị lạnh khi đi xuồng.

Một lúc sau đó, Nanko, người la báo động trên bờ đã theo kịp chúng tôi. Anh nói chuyện với Matasaip. Matasaip là thủ lĩnh mới của chúng tôi. Anh được chọn khi ông Kimki không trở về. Anh nói:

“Tàu đã đến gần bờ. Không phải tàu của bọn Aleut. Tàu này nhỏ hơn tàu bọn chúng, những cánh buồm màu trắng.”

Matasaip nói với Nanko: “Tôi sẽ trở lại bãi biển với anh.” Sau đó anh nói với chúng tôi: “Ra chỗ chúng ta giấu xuồng và chờ đợi tôi.”

Trời lạnh ngắt, nhưng chúng tôi không phải chờ đợi lâu. Đã có người chạy đến chỗ chúng tôi. Đó là Nanko, anh đến với lời nhắn của Matasaip. Gương mặt anh trông tươi vui. Chúng tôi biết không có chuyện gì nguy hiểm.

“Nói nhanh lên!” Chúng tôi la to.

“Tôi mệt quá!” Anh nói. “Nói không ra hơi.”

“Thì đang nói đó!” Có ai nói.

“Nào nói đi, Nanko, nói đi.” Nhiều người khác la lên.

Nanko khoái chí bởi vì nhiều người trông chờ anh nói. Anh nhìn vào mặt mọi người đoạn mỉm cười.

Sau đó anh chậm rãi nói: “Chiếc tàu của bọn bè chúng ta. Có những người da trắng trên tàu. Họ

đến từ chỗ ông Kimki đến.”

“Vậy ông Kimki có trở lại không?”

“Không, nhưng ông nói với những người da trắng chúng ta ở đây.”

“Trông bọn họ ra sao?” Chị Ulape hỏi.

“Có thằng bé nào trên tàu không?” Ramo hỏi.

Mọi người đều lên tiếng hỏi, Nanko đưa bàn tay anh lên. Anh nói:

“Tàu đến để đưa chúng ta đi. Đó là lý do duy nhất.”

“Nhưng đưa chúng ta đi đâu?” Tôi hỏi.

“Tôi không biết.” Nanko nói. “Nhưng Kimki biết, và người da trắng sẽ đưa chúng ta đến đó.”

Chúng tôi bèn quay trở lại làng. Mọi người đều e ngại sự thay đổi trong cuộc sống. Nhưng chúng tôi cũng vui mừng.

CHƯƠNG III RAMO EM TÔI

Nanko đi đi lại lại ở ngoài những ngôi nhà.

“Nhanh lên.” Anh la lớn. “Gió sẽ thổi mạnh. Tàu sẽ rời bến không có các chị.”

Tôi bỏ đầy hai túi xách các vật cần dùng – nồi nấu ăn, dao, hạt trai.

Chị Ulape cũng thế. Sau đó chị lấy một ít đất màu xanh vẽ một đường lên mặt băng qua mũi. Tại Ghalas-at, đó là dấu hiệu cô gái chưa chồng.

“Tàu đang rời bến kìa.” Nanko la lên.

“Nó sẽ trở lại sau cơn đông.” Ulape nói. Chị yêu Nanko nhưng cười chế nhạo anh.

“Những người khác sẽ trở lại đảo.” Chị nói lớn. “Họ sẽ tử tế và mạnh mẽ hơn những người này.”

Nanko vui vẻ đáp lại: “Các chị là những người đàn bà xấu xa làm cho họ sợ. Và họ sẽ lại bỏ đi.”

Gió rất mạnh khi chúng tôi rời làng. Đi một đôi xa, Ramo nói với tôi nó bỏ quên cây giáo đi săn ở nhà.

“Đừng trở lại nhà.” Tôi nói. “Nếu em làm thế, em sẽ trễ tàu.”

Nó bỏ chạy trước khi tôi nắm nó lại.

Sóng đánh rất mạnh, do vậy tàu phải thả neo rất xa bờ. Bốn người đàn ông da trắng đứng gần hai chiếc xuồng. Họ nói chuyện với chúng tôi bằng thứ ngôn ngữ lạ, chúng tôi không thể trả lời họ.

Những người đàn ông dân làng chúng tôi và bọn con trai, ngoại trừ Nanko và thủ lĩnh Matasaip, đã lên tàu. Nanko nói Ramo cũng đã ở trên đó. Matasaip ra lệnh cho đàn bà chia làm hai nhóm. Người ta đẩy xuồng xuống nước, và chúng tôi tất cả leo lên xuồng.

Đi xa khỏi bờ, xuồng bị sóng lớn đập mạnh. Có một lúc chúng tôi trông thấy chiếc tàu, sau đó sóng lớn lại che khuất tàu đi. Nhưng sau cùng chúng tôi lên đến tàu an toàn.

Chiếc tàu lớn hơn chiếc xuồng lớn nhất của chúng tôi nhiều lần. Chỉ huy tàu là một người đàn ông da trắng còn trẻ, có đôi mắt màu xanh và một bộ râu đen. Ông ta ra lệnh cho thủy thủ, các chiếc buồm trắng được kéo lên.

Tôi gọi Ramo, nhưng tiếng gió át cả tiếng la của tôi. Không có tiếng đáp trả của Ramo. Tôi đi tìm nó và tiếp tục gọi. Chẳng thấy nó. Không ai biết nó ở đâu. Tôi đến chỗ Nanko.

Tôi la to, lòng khiếp hoảng: “Em tôi đâu?”

“Nó ở trên tàu mà,” Nanko nói. “Nó đi trên chiếc xuồng đầu tiên.”

Chị Ulape đang đứng với chúng tôi, chị đứng nhìn qua phía đảo. Mắt tôi nhìn theo mắt chị. Ramo đang chạy dọc theo bờ đá cao, tay đưa cây giáo lên khỏi đầu.

Chiếc tàu đi xa dần. Mọi người đều nhìn lên bờ đá, ngay cả người da trắng cũng thế. Tôi chạy lại một trong bọn họ và chỉ thấy em tôi. Y quay lưng lại với tôi.

Matasaip đến chỗ tôi. “Chúng ta không thể dừng tàu vì Ramo.” Anh nói. “Nếu chúng ta làm thế, gió sẽ đẩy tàu đập vào đá.”

“Chúng ta phải dừng lại!” Tôi la lên. “Chúng ta phải dừng lại!”

“Tàu sẽ trở lại rước nó.” Matasaip nói. “Nó sẽ không sao. Trong làng có nước và thức ăn, và nó có thể ngủ trong làng.”

“Không được đâu!” Tôi la lên.

Gương mặt Matasaip trông hóa đá. Nhiều người khác cũng nói thế, nhưng họ không làm tôi yên tâm được. Chiếc tàu rẽ về hướng Đông. Vào lúc đó, tôi đi đến thành tàu và nhảy ùm xuống biển.

Một đợt sóng trùm qua đầu tôi, nhận tôi chìm sâu, chìm sâu xuống nước. Con tàu dường như khá xa tôi khi tôi trồi đầu lên. Tôi không thể lội vì tôi mang một cái túi nặng. Do vậy tôi buông tay bỏ túi, và tôi không trông thấy nó nữa.

Tôi là một người bơi lội giỏi, vì thế ngay khi có dông bão, tôi cũng không sợ. Trên đường lội về bờ, tôi nghĩ đến Ramo. “Tôi sẽ kiếm một cây gậy và đánh nó.” Tôi nghĩ. “Nó là một thằng bé vô cùng tệ hại.”

Sau cùng tôi cũng đến bờ và thấy nó trên bãi cát. Nó đang cầm cây giáo, mặt trông rất thiếu ngủ. Tôi quên đi chuyện cây gậy. Tôi chỉ quỳ xuống và ôm chầm lấy nó.

“Tàu có trở lại không chị?” Nó hỏi. Nước mắt tràn đầy đôi mắt nó.

“Sẽ trở lại ngay.” Tôi đáp.

Cái áo da rái cá của tôi ướt nhẹp, trên cổ tôi còn một xâu chuỗi hạt trai. Tất cả các món khác đều mất, cái váy xinh đẹp của tôi bị rách tả tơi.

Bọn chó hoang đang ở trong làng khi chúng tôi trở lại đó. Hầu hết các thức ăn đều bị chúng ăn sạch. Ramo và tôi phải tìm kiếm vất vả mới được một con cá nhỏ. Trong đêm, tiếng tru của chó đánh thức tôi nhiều lần. Vào buổi sáng, chúng tôi chạy về hướng Tây.

Ngày hôm đó, chúng tôi đi tìm thức ăn. Sóng vô quá mạnh, do vậy chúng tôi không thể đi xa

biển. Chúng tôi đi nhặt trứng chim ở các dốc đá. Ramo tìm thấy một cái hố nhỏ, nó đang được mấy con cá nhỏ với một cây giáo của nó. Trông nó rất vui khi nó đem cá về nhà. Ramo mong tôi tha thứ cho nó.

Bọn chó trở lại trong đêm nay khi chúng ngủ thấy mùi cá. Bọn chúng ngồi cho đến sáng trên ngọn đồi nhỏ bên ngoài làng.

Ngày hôm sau, biển êm hơn, do vậy chúng tôi có thể đi bắt cua, bắt ốc ở các khe đá. Lát sau, chúng tôi lên đứng trên bờ dốc đá. Trời rất quang đãng và chúng tôi có thể nhìn rất xa ra biển.

“Hôm nay tàu có trở lại không?” Ramo hỏi.

“Có thể,” tôi đáp nhưng không nghĩ thế.

Đôi mắt đen của Ramo lóe sáng. “Em sẽ buồn nếu nó đến,” nó nói.

“Tại sao?” Tôi hỏi.

“Bởi vì em thích ở đây với chị,” nó đáp. “Không có những người khác, chúng ta ở đây vui hơn. Ngày mai em sẽ đến chỗ chúng ta giấu xuồng. Em sẽ đem một chiếc về đây. Chúng ta có thể sử dụng chúng để đi bắt cá. Và chúng ta có thể đi vòng quanh đảo.”

“Xuồng để trên bờ đá,” tôi nói. “Chúng rất nặng. Em không đủ sức để đem đi đâu.”

Ramo đứng thẳng người và chống mũi giáo xuống đất.

“Em là con trai của Chowig.” Nó nói. “Chị không nhớ à?”

“Chị nhớ,” tôi trả lời. “Nhưng em còn là một đứa bé. Một ngày nào đó, em sẽ đủ sức nâng một chiếc xuồng to.”

“Em là con trai của Chowig,” nó lặp lại. Mắt nó mở to hơn. “Em là con trai của người. Giờ em là thủ lĩnh của Ghalas-at vì Chowig đã không còn nữa.”

“Nhưng trước hết em phải là đàn ông cái đã,” tôi nói. “Em biết cách làm của chúng ta. Chúng ta đều thử thách các chàng trai. Chị sẽ đi tìm các loại cây và các côn trùng cần thiết.”

Mặt Ramo tái xanh. Em biết các sự thử thách chúng tôi sử dụng. Em biết là rất đau đớn.

Tôi vội nói: “Chỉ có đàn ông mới đưa ra các sự thử thách. Nhưng ở đây không có đàn ông. Vậy em không phải chịu sự thử thách nào cả, Thủ lĩnh Ramo.”

Em cười và nói: “Có lẽ em sẽ đổi tên. Em sẽ cố gắng chọn một cái tên hay hơn.”

Tôi nhìn em. Chân và tay em nhỏ như cây sậy.

“Nhưng nó là thủ lĩnh của Ghalas-at.” Tôi nghĩ. “Giờ đây nó sẽ quậy hơn trước.” Tôi muốn ôm em vào trong đôi tay.

Bỗng em nói: “Em đã có tên mới.”

“Tên gì?” Tôi hỏi.

“Em là Thủ lĩnh Tanyositlopai.”

“Cái tên quá dài. Chị không thể thuộc.”

“Chị sẽ thuộc nhanh thôi.” Thủ lĩnh Tanyositlopai nói.

Buổi sáng hôm sau, khi tôi thức dậy, Ramo đã không còn ở trong lều. Cũng không có em ở bên ngoài. Tôi cho rằng nó đã đi đến chỗ các chiếc xuồng. Tôi run lên khi nghĩ đến những việc hiểm nguy.

Tôi cảm thấy nó sẽ gặp nguy hiểm. Do vậy tôi quyết định đi theo nó.

Nhưng chỉ vài phút, tôi liền đổi ý. Có lẽ tôi nên để cho em nó muốn làm gì thì làm. “Chiếc tàu có thể còn lâu mới trở lại,” tôi nghĩ. “Chỉ còn tôi và Ramo trên đảo, tôi cần sự giúp đỡ của nó. Nó sẽ làm công việc của đàn ông sớm hơn các đứa con trai khác. Nó sẽ lớn lên nhanh chóng.”

Tôi bèn quay trở lại và đi xuống bãi. Nếu như Ramo đem xuồng xuống nước được, nó sẽ đưa xuồng tới bãi. Tôi muốn có mặt ở đây để đón chào nó.

Suốt cả buổi sáng, tôi bắt được nhiều cua ốc và ngắm nhìn mặt trời lên cao trên bầu trời. Ramo không thấy về. Tôi không thấy nó. Tôi lại bắt đầu lo sợ vội vã chạy trở về làng. Ramo không có ở đây. Tôi giấu cua ốc không cho chó ăn, đoạn rời lều. Tôi chạy về hướng Tây Nam của đảo, nơi chúng tôi cất giấu xuồng.

Vừa chạy tôi vừa kêu Ramo. Nó không trả lời, nhưng tôi nghe tiếng chó. Tôi tiếp tục chạy, tiếng chó gầm gừ càng to hơn. Tôi thấy bọn chó ở gần các dốc đá. Rất nhiều chó, chúng đang chạy quanh cái gì đó.

Ramo đang nằm ở đó. Có một vũng máu nhỏ trên mặt đất chung quanh đầu nó. Có những dấu răng sâu ở cổ và những vết cắn trên mình của Ramo. Khi tôi đỡ em lên, em đã chết. Tôi nhìn lên mặt đất và thấy vết chân của em. Những vết chân đó không còn trước khi đến dốc đá. Hai con chó nằm trên mặt đất gần em. Cây giáo của Ramo cắm vào cạnh sườn của một con chó.

Tôi mang Ramo về làng, bọn chó đi theo tôi. Con chó đầu đàn là một con chó to, lông dài, màu xám và mắt vàng. Một lúc sau, cả đàn chạy về hướng Tây, con đầu đàn chạy sau cùng.

Đêm đó tôi không ngủ, ngồi bên xác của Ramo. Tôi hứa với lòng: “Một ngày nào đó, tôi sẽ giết hết bọn chó đó. Tôi sẽ giết tất cả chó trên đảo. Tôi phải tính toán sao cho làm được điều đó.”

Nhưng gần suốt cả đêm, tôi nghĩ đến Ramo, em tôi.

CHƯƠNG IV MỘT MÌNH TRÊN HẢI ĐẢO

Sau đó là những ngày đau buồn, nhưng tôi không nhớ rõ là bao lâu. Làng giờ đây là nơi hoang vắng, lạnh lẽo. Tôi nhớ đến cái chết. Tôi nhớ những người vượt qua biển cả. Tôi quyết định không sống trong nhà tôi nữa.

Tôi đưa ngọn lửa kê vách nhà tôi, ngôi nhà cháy đổ sụp xuống. Sau đó tôi đốt ngôi nhà kế bên và kế bên. Ngày hôm đó ngôi làng Ghalas-at bị hủy diệt.

Ngôi nhà mới của tôi nằm trên một ngọn đồi nhỏ gần ở phía Tây. Ở nơi đây có hai cái cây nhỏ và một tảng đá phẳng cao. Phía sau tảng đá là một hốc đá, gió không thể lọt vào. Nơi này rất cao, chó không thể lên tới. Tôi không biết bây giờ chúng ở nơi đâu.

Tôi nhớ lời tự nguyện của mình. “Bọn chúng sẽ tìm được nơi ở của mình,” tôi nghĩ. “Bọn chúng sẽ tấn công mình vào một ngày nào đó. Mình sẽ giết con chó đầu đàn và cả bọn chúng.” Nhưng

tôi phải tìm ra cách để làm chuyện đó.

Luật ở Ghalas-at không cho phép phụ nữ làm giáo. Nhưng giờ tôi cần phải tự vệ. Tôi đi tìm trong các căn nhà bị cháy và trong các chiếc xuồng. Tôi không tìm được cây giáo nào.

Sau đó tôi nhớ đến các rương bones Aleut mang lên đảo. Không biết bones chúng có mang theo chúng hay không? Hay nó còn nằm đâu đó trên bãi? Tôi đứng nhìn chung quanh chỗ Orlov đứng trước khi xảy ra cuộc chiến. Cát rất mềm, do vậy tôi dùng cây gậy chọc nhiều chỗ. Có thể bones đã lấp cát lên rương.

Bỗng cây giáo tôi chạm phải một cái gì cứng cứng. Tôi dùng tay cào đất qua một bên. Lòi ra nắp rương, tôi gỡ nắp rương ra. Rương chứa đầy hạt ngọc trai đủ màu sắc. Tôi quên phứt câu chuyện cây giáo khi trông thấy các viên ngọc long lanh, đẹp đẽ đó. Tôi lấy một xâu chuỗi ngọc dài nhất lên, cảm thấy mình như phu nhân của một vị tù trưởng.

Bỗng tôi nhớ những người đàn ông đã nói rằng tôi không thể mang những vật đẹp đẽ này. Tôi lấy các xâu chuỗi ra khỏi rương. Tôi bước ra ngoài sóng biển và ném các xâu chuỗi xuống biển sâu.

Không có đầu mũi giáo trong rương. Tôi đóng rương lại và lấy cát lấp lên.

Một đêm, bones chó đến dưới chân đồi chỗ tôi ở. Chúng không thể trông thấy tôi trên tảng đá và chúng không thể leo lên chỗ tôi. Nhưng chúng biết tôi ở gần đâu đó. Tôi nghe tiếng bones chúng cho đến khi trời rạng sáng.

Tôi nhớ đến luật lệ của chúng tôi. Tôi cần phải tự vệ, nhưng vì là đàn bà, tôi không thể làm giáo. Cha tôi tỏ ra rất minh bạch trong vấn đề này. Ông nói: “Nếu đàn bà làm ra cây giáo, ả không thể dùng nó. Đến lúc ả cần, nó sẽ gãy.” Không người đàn bà nào của bộ tộc chúng tôi làm ra một cây giáo. Không ai biết lời đe dọa “đất sẽ sụp dưới chân, đá sẽ rơi trên đầu” là đúng hay sai.

Nhưng sự sống của tôi bị đe dọa. Bones chó đã giết Ramo, giờ bones muốn giết tôi!

Đêm hôm qua, bones chó lại đến. Tôi quyết định hủy bỏ luật lệ của làng. Nhưng con tim tôi tràn đầy nỗi sợ.

Tôi cần một cây giáo cứng, một cây cung và một số tên... Tôi quyết định làm cây giáo trước, sau đó đến cung và tên.

Tôi lấy cây làm mũi giáo, đoạn cột thật chặt vào một cây gậy dài, thật thẳng. Làm cung và tên khó hơn nhiều. Tôi phải đi tìm kiếm khắp nơi mới có thể tìm được loại cây phù hợp để làm cung. Về tên, tôi cần lông chim và đá để làm đầu mũi tên.

Thời gian trước, tôi thường nhìn cha tôi làm những thứ vũ khí này, nhưng tôi không bao giờ ngồi quá gần. Tôi đã không nghĩ đó là việc làm cần cho phụ nữ. Tôi phải mài đá cho nhọn và cột lông chim vào đuôi mũi tên.

Tôi làm trong nhiều ngày. Sau cùng tôi đã có được một cây cung và nhiều mũi tên để tôi có thể dùng. Sau đó tôi không bao giờ rời khỏi chỗ ở mà không mang chúng theo. Tôi tập bắn cung và sử dụng giáo.

Tôi mang tảo khô từ bãi về chỗ ở để lát một cái giường êm ái. Tôi thích ngủ nơi đây dưới ánh sáng các vì sao. Tôi không cần phải dậy sớm vào buổi sáng. Tôi có thể nhìn chim biển lượn trên mặt nước và các con rái cá đùa giỡn trên tảo. Rái cá đã trở lại, giờ đây bones cũng nhiều

như trước đây.

Mỗi khi tôi nằm trên tảng đá, tôi nghĩ trước hết đến chiếc tàu của những người da trắng. Một buổi sáng việc làm đầu tiên của tôi là nhìn ra biển. Tôi mong con tàu trở lại. Và mỗi buổi sáng tôi thấy chim biển bay trên các ngọn sóng. Mùa đông chấm dứt và mùa xuân đến. Rồi mùa đông lại qua đi, nhưng con tàu không đến.

Mùa hạ là mùa đẹp nhất ở Đảo Cá Heo Xanh. Trời ấm áp biển dịu êm. Mỗi buổi sáng tôi từ tảng đá nhìn ra hướng Đông. Đó là nơi dân làng tôi ở. Và chiếc tàu sẽ đến từ nơi đó. Có một lần tôi tưởng mình trông thấy chiếc tàu. Nhưng tôi đã lầm. Đó là con cá voi xám.

Thời tiết thay đổi, và cơn bão mùa đông đầu tiên đã dập tắt hi vọng của tôi. Tôi cảm thấy mình rất cô đơn. Tôi biết con tàu sẽ không đến vào mùa đông. Tôi cảm thấy mình rất đau khổ. Và những cơn ác mộng đã đánh thức tôi dậy lúc đêm khuya.

Những trận gió dữ dội tràn vào đảo từ phương Bắc, tôi phải chuyển cái giường của tôi xuống chân tảng đá. Tôi gom nhặt rất nhiều củi để luôn có lửa sưởi ấm, để bảo vệ lúc về đêm. Vào cái đêm đầu tiên, bọn chó thấy lửa và tiến lại gần. Tôi dùng cung tên giết chết ba con, nhưng không có con đầu đàn. Bọn chó sau đó không đến nữa.

Sau cơn dông bão, tôi đi đến chỗ các chiếc xuồng được cất giấu. Thức ăn khô trên xuồng còn ăn được, tôi chỉ phải thay nước. Ý của tôi là phải rời đảo. "Mình sẽ lấy một chiếc xuồng và đi về hướng đông." Tôi nghĩ: "Ông Kimki đã một mình vượt qua con biển rộng. Tôi cảm thấy mình không sợ."

Tôi làm một con đường với những viên đá nhỏ và rong rêu. Trên con đường đó, tôi đẩy chiếc xuồng nhỏ nhất ra đến biển.

Tôi chèo xuồng rời khỏi Ghalas-at vào lúc xế trưa. Hòn đảo giờ giống như một đám mây nhỏ nằm trên mặt nước. Tôi tiếp tục chèo cho đến tối.

Khi tôi nhìn lại, tôi không còn thấy Đảo Cá Heo Xanh. Chỉ một mình tôi trên biển. Xuồng tiếp tục trôi lên, sụp xuống trong sóng biển rập rờn. Thế là tôi bắt đầu cảm thấy sợ.

Đêm đến, biển trông tối mờ tối mịt. Biển có cùng màu với bầu trời. Nhưng có một ngôi sao chiếu sáng bên trên. Tôi biết ngôi sao đó và cảm thấy yên dạ hơn. Đó là ngôi sao Bắc Đẩu, nó sẽ giúp tôi đi đúng hướng. Tôi giữ cho nó luôn ở bên trái tôi, tôi tiếp tục chèo.

Xuồng bỗng nhiên có nước. Tôi tát hết nước ra ngoài, và cảm thấy ván xuồng ướt ướt. Giữa hai tấm ván ghép lại, tôi phát hiện có một cái khe nhỏ, dài, chính từ đây nước chảy vào. Tôi xé vấy tôi một mảnh nhỏ rồi nhét lại.

Đến sáng vấn đề trở nên tồi tệ hơn. Một cái khe mới to hơn xuất hiện giữa những tấm ván. Và tôi phải xé cái vấy mảnh to hơn để nhét lại, không cho nước chảy vào. Giờ tôi hiểu các tấm ván xuồng rất yếu ớt. Chiếc xuồng đang ở trong tình trạng nguy hiểm.

Tôi đang ở vào ngày thứ hai của chuyến đi. Nước tiếp tục chui vào xuồng. Tôi bỗng nghĩ đến hòn đảo hoang và mấy con chó. Tôi không muốn lại trông thấy bọn chúng. Nhưng các lỗ hỏng càng lúc càng to hơn. "Chiếc xuồng sẽ vỡ tung!" Tôi nghĩ và tôi biết tôi không thể tiếp tục cuộc hành trình. Tôi buồn bã quay xuồng chèo về hướng đảo.

Cả một gia đình cá heo lội quanh chiếc xuồng. Cá heo luôn là dấu hiệu tốt lành của biển cả. Chúng cũng là bạn của tôi và tôi không cảm thấy cô đơn. Chúng quanh quẩn bên tôi cho đến

sẩm tối, sau đó chúng lội về hướng tây. Tôi có thể thấy ánh sáng mặt trời chiều trên cái lưng ướt của bọn chúng lâu thật lâu. Đêm đến đầu óc của tôi còn trông thấy lũ cá heo. Tôi nghĩ các con thú thân thuộc đó cứu lấy tôi.

Đêm thật dài, và tôi cảm thấy mệt đuối. Có hai lần tôi suýt ngủ gục. Các lỗ hổng giữa các tấm ván càng rộng ra. Tôi phải làm việc cật lực mới tát nước ra hết được. Sự sợ hãi của tôi tăng lên hơn bao giờ hết. Nhưng sau cùng mặt trời đã lên, bình minh rạng rỡ. Xa xa trước mặt tôi thấp thoáng bóng dáng của hòn đảo.

Tôi đến đảo vào giữa trưa, sóng đưa chiếc xuồng vào bờ. Tôi ngã xuống khi bước ra khỏi xuồng. Tôi sung sướng nằm trên cát khô. Tôi quá mệt mỏi để có thể nghĩ đến mấy con chó. Liên sau đó tôi ngủ thiếp đi

CHƯƠNG V NGÔI NHÀ MỚI

Khi tôi tỉnh dậy trời đã vào đêm. Nước biển dâng cao, và sóng biển vỗ vào chân tôi. Tôi bò lên chỗ cao hơn rồi ngủ tiếp.

Trời sáng, tôi lấy các túi xách ra khỏi xuồng. Sau đó tôi leo lên đồi, giờ lại là nhà của tôi. Từ chỗ tảng đá cao, tôi nhìn xuống. Tôi trông thấy mọi vật mà tôi yêu mến. Bọn rái cá đùa giỡn trong đám tảo. Sóng biển trắng xóa đập vào các tảng đá. Chim bay lượn trên bầu trời. Tôi cảm thấy rất vui sướng.

Tôi nhớ lại sự sợ hãi của tôi khi còn ở trên xuồng. Và khi tôi tin chắc một điều “Tôi sẽ không bao giờ rời đây nữa,” tôi tự nhủ. “Đảo Cá Heo Xanh là nhà của tôi. Nó sẽ là nhà của tôi cho đến khi những người da trắng trở lại với chiếc tàu của họ. Có thể trong nhiều tháng, họ chưa trở lại, tôi phải dựng cho mình một ngôi nhà và tạo ra một chỗ để có thể giữ được thực phẩm.”

Tôi có thể dựng ngôi nhà ở dưới chân tảng đá chỗ đất trống. Nơi đó không xa biển, có một con suối chảy qua cái khe sâu sau tảng đá. Nơi đó núp được gió mạnh, đúng là một nơi sống thoải mái.

Còn có một chỗ khác, tôi nhớ lại, nằm ở dọc bờ biển. Nơi này nằm về phía tây khoảng một dặm. Nhưng khi tôi đến đấy vào buổi sáng hôm đó, tôi đã gặp một sự ngạc nhiên không vui. Nơi đó gần một cái hang, nơi bọn chó sinh sống.

Con chó đầu đàn nghe bước chân tôi, nó ra cửa hang đứng nhìn. Nó đứng đó và nhìn tôi với đôi mắt vàng khè. Tôi phải giết nó và bọn kia trước khi tôi dựng nhà. Dĩ nhiên là tôi muốn giết nó nhưng tôi có thời gian để chuẩn bị.

Có những khối đá cao ở chỗ này và một con suối nước rất tốt, trong lành. Tôi có thể trông thấy bờ biển và bãi biển. Bỗng tôi nghe có tiếng các con hải tượng. Lúc đó tôi hiểu cái đồi chỗ tôi ở là nơi tốt nhất.

Những dốc đá ở đây thấp, có một bậc thềm đi xuống, bên trên các tảng đá. Bọn hải tượng thích nơi này. Khi có đông bão, chúng chạy lên bậc thềm. Lúc thời tiết tốt, chúng bắt cá trong mấy giếng đá. Chúng thường nằm trên đá để phơi nắng.

Bọn hải tượng rất ồn ào. Con đực là con thú rất to. Con cái nhỏ hơn, nhưng bọn chúng làm ồn hơn bọn con đực. Còn lũ con không bao giờ chịu im, ngày cả lúc ban đêm.

Sáng hôm đó, bọn chúng đều ra biển, cách xa các khối đá. Thế nhưng tiếng ồn thật khủng khiếp. Tôi biết tôi không thể ngủ ở chỗ đó. Do vậy tôi trở về ngọn đồi của tôi.

Trời mưa vào đêm và kéo dài suốt hai ngày. Tôi làm một cái mái bằng các thanh cây và lá ở dưới chân tảng đá, mái che giúp tôi tránh được nước mưa. Tôi có đủ thức ăn, nhưng nhà rất lạnh và ẩm. Tôi không thể nhóm lửa dưới trời mưa!

Vào ngày thứ ba mưa dứt. Tôi đi ra ngoài và gom nhặt mọi thứ cần cho ngôi nhà. Tôi cần một cây cột và một số vật liệu để làm một cái hàng rào vững chắc. Tôi lên ngay kế hoạch giết chó, nhưng trước tiên tôi cần phải bảo vệ thực phẩm chống lại hàng mấy trăm con cáo nhỏ có lông đỏ ở khắp trên đảo. “Mình không hi vọng giết hết bọn cáo với cung tên.” Tôi nghĩ. “Thực phẩm của mình sẽ không bao giờ an toàn cho đến lúc mình làm xong hàng rào.”

Hòn đảo trông mát mẻ và đầm thắm sau cơn mưa. Tôi vừa hát vừa đi xuống lòng khe. Đó là một ngày tốt đẹp để khởi sự xây dựng ngôi nhà mới của tôi.

Mấy năm trước, dông bão đã đẩy hai con cá voi lên bãi. Chúng tôi ăn thịt. Phần còn lại chúng tôi chôn vùi dưới cát.

Tôi đào lấy xương cá voi, dùng chúng làm hàng rào. Tôi đặt chúng sát nhau. Sau đó, tôi cột chặt với rong ươn. Sau này rong khô, rong sẽ siết chặt chúng lại với nhau hơn. Đá cũng là một phần của hàng rào. Hàng rào cao bằng tôi và rất vững chắc.

Tôi không làm cửa ra vào chỗ hàng rào nhưng trở một cái lỗ bên dưới nó. Bên trong, tôi lấp lỗ bằng một tảng đá lớn, bằng phẳng. Trời quá lạnh để có thể ngủ trên tảng đá cao, do thế tôi cảm thấy mình được an toàn hoàn toàn bên trong hàng rào. Mỗi đêm tôi ngủ nơi đây cho đến lúc ngôi nhà xong hẳn.

Dân làng chúng tôi tin rằng ngày xưa đảo phủ đầy những cây cao. Lúc đó đã lâu lắm rồi, lúc thế giới mới tạo lập. Tumaiyowit và Mukat là hai vị thần, họ thường đánh nhau. Tumaiyowit muốn con người phải chết, Mukat không muốn. Tumaiyowit rất tức giận và đi vào một thế giới khác, bên dưới thế giới này. Thần lấy đi các cây cao và một số đồ vật khác nữa.

Tôi phải đi lùng nhiều ngày mới tìm đủ cây để dựng nhà. Có bốn cây cột ở bốn góc và tám thanh khác để làm mái. Lưng nhà dựng vào vách đá, mặt tiền để trống. Do vậy tôi chỉ phải lợp hai bên. Tôi lợp hai bên và nóc bằng lá rêu rộng.

Cho đến giữa mùa đông ngôi nhà mới xong. Bọn cáo thường đến và đứng bên ngoài hàng rào. Chúng nhìn qua các lỗ hổng hàng rào trong khi tôi nấu ăn bên trong. Bọn chó cũng đến, chúng thử gặm vào hàng rào. Chúng gây rất nhiều tiếng ồn nhưng không vào được. Tôi bắn được hai con, nhưng không phải là con đầu đàn. Tôi rất bận rộn nên không đuổi theo chúng đến tận hang.

Lúc bấy giờ thức ăn chủ yếu của tôi là ốc, cua, các con cá nhỏ. Tôi phải nấu nướng trên tảng đá phẳng. Sau này tôi tìm được hai khối đá có dạng một cái đĩa. Tôi đục cho chúng sâu hơn và rộng hơn. Giờ tôi đã có hai cái nồi nấu ăn mới. Và thế là sau đó tôi có thể thưởng thức món xúp cá.

Tôi cũng làm một cái túi để đựng nước. Đây là một công việc dễ dàng bởi vì trước đây tôi thường nhìn chệch tôi làm. Tôi để các loại rau củ và nước vào trong túi, đoạn bỏ đá nóng vào trong đó. Thế là tôi được món xúp ngon, thay thế cho món xúp cá.

Lò lửa của tôi nằm trên sàn nhà có đá bao quanh. Tôi làm các cái giá để nồi và để thức ăn trên tường đá. Ngôi nhà ấm cúng, khô ráo và tiện nghi, an toàn đối với các con thú hoang. Tôi có thể nấu nướng mọi thứ thức ăn mà tôi muốn ăn. Mọi thứ tôi cần đều ở trong tầm tay của tôi.

Giờ đây tôi có thể nghĩ đến việc giết lũ chó. Tôi quyết định làm một cây giáo mới, nặng hơn, một cây cung to hơn và những mũi tên sắc hơn. Tôi làm cung và tên trước, và rất vừa lòng với các loại cung tên mới. Tôi có thể bắn xa và các mũi tên đi thẳng hơn.

Sau đó tôi bắt đầu làm cây giáo mới. Người của chúng tôi thường làm đầu mũi giáo với răng nanh hải tượng. Răng nanh của con đực vì răng của con cái quá bé. Người ta bắt con đực rồi giết nó với các thanh gỗ. Tôi không đủ sức để làm chuyện đó. Và tôi cũng biết tôi không thể giết con hải tượng đực với cung tên.

Nhưng tôi thật sự muốn một cái răng nanh để làm mũi giáo. Do vậy, tôi quyết đi viếng hang ổ của bọn hải tượng vào hôm sau.

CHƯƠNG VI ĐÔI MẮT CÁO

Đêm đó, các suy tư cũ và sự sợ hãi lại trở lại. Luật của chúng tôi không cho phép đàn bà làm cung tên. “Tên có thể không bay thẳng.” Tôi suy nghĩ. “Và một người đàn ông sẽ tấn công tôi.” Hang lũ chố lại khá gần chỗ ở cũ bọn hải tượng. Sự nguy hiểm rất lớn.

Nhưng khi sáng đến, sự sợ hãi của tôi không còn. Tôi đến chỗ dốc đá thật sớm. Mấy con đực, giống như những khối đá xám, ngồi trên các bậc của dốc đá. Bên dưới, các con cái và lũ con của chúng chơi đùa trong nước. Có lẽ cái từ “bé con” không đúng nghĩa. Hải tượng nhỏ cũng to bằng một người lớn nhưng chúng chơi đùa giống như trẻ nhỏ. Chúng đi theo mẹ và la hét giống như con nít. Lúc đầu thì chúng sợ sóng biển, mẹ chúng phải đẩy chúng xuống nước. Không phải dễ đẩy một con thú to như thế.

Các con đực xấu xí, nguy hiểm, thích gây sự và đánh nhau. Có sáu con ngồi trên bậc đá trong ngày hôm đó, nhưng chúng không ngồi gần nhau. Từ trên dốc cao, tôi nhìn xuống và chọn con nhỏ nhất. Chúng hầu hết cùng một cỡ chỉ trừ một con. Nó ngồi một mình ở bậc đá cuối, trông còn rất trẻ. Không có những con cái trước mặt nó. Tôi chợt hiểu nó chưa có gia đình riêng. Vì lẽ đó, thật rất nguy hiểm khi tấn công nó.

Tôi bò nhẹ nhàng xuống. Con đường khá dài và tôi còn phải mang cung và tên nữa. Cây cung cao gần bằng tôi. Sau cũng tôi đến sau một tảng đá gần con đực trẻ. Tôi nhớ những lời cha tôi nói khi tôi thử tra tên vào cung. “Chắc chắn cung sẽ gãy trong đôi tay của người đàn bà.”

Tôi ở cách nó không xa, và nó đang nhìn ra biển. Tôi không biết phải bắn nó ở nơi đâu. Da lưng của con thú rất dày. Mũi tên không thể xuyên qua lưng nó. Nhưng cái đầu của nó lại nhỏ và không dễ gì bắn trúng.

Tôi đang suy nghĩ như thế thì con hải tượng bắt đầu di chuyển xuống bãi. Nó đi xuống chỗ các con cái thuộc về một trong các con đực già. Con hải tượng tuy nặng nề, nhưng nó có thể di chuyển nhanh. Con đực nhỏ đã đến gần mặt nước. Mũi tên của tôi bay thẳng, và cây cung không gãy. Nhưng vào lúc đó, nó quay mình qua một bên. Mũi tên bay xuống biển.

Giờ thì con đực già đang ngồi trên bậc đá cũng di chuyển nhanh xuống dưới. Nó nhanh chóng tóm được con đực trẻ, với một tiếng kêu to đẩy con nhỏ văng ra khỏi bãi. Con đực trẻ ngã xuống nước, nằm yên, bất động.

Con lớn thét lên một tiếng to, nhào vội theo xuống nước. Nó đưa răng nanh cắm phập vào sườn con đực trẻ. Bỗng con này vùng dậy, đôi mắt ti hí của nó rục đỏ. Nó hành động nhanh hơn con lớn. Nó cắn mạnh vào cổ con kia và cắn thật chặt không buông. Hai con thú vật nhau trong nước.

Các con cái và đám con của chúng vội lợi đi chỗ khác, còn các con đực khác vẫn ngồi yên trên các bậc thềm.

Con đực trẻ bị đè nằm ngửa nhưng răng của nó vẫn ghì chặt vào cổ con lớn. Đây là dịp may cho tôi. Tôi có thể bắn một mũi tên vào chỗ phần mềm của nó, và có thể giết chết nó. Nhưng tôi muốn nó thẳng trận, do vậy tôi không bắn.

Bỗng con lớn dùng đuôi chui vào đá đẩy mạnh, răng của con nhỏ tuột ra khỏi cổ nó. Nó quay người và chạy vội đến chỗ tôi đang ẩn nấp. Con đực trẻ đuổi theo sát. Tôi rất sợ, vội lùi lại. Có

một tảng đá phía sau tôi, tôi vấp ngã, khuỷu hai đầu gối xuống.

Tôi nghe chân tôi đau điếng, nhưng tôi đứng lên ngay. Con đực lớn quay mình lại và quặp răng sâu vào sườn con trẻ. Cuộc phản công bất ngờ đẩy con trẻ lùi xuống nước. Nước biển đỏ ngầu những máu. Nó chờ đợi trận tấn công tiếp theo. Con già lại nhào xuống. Tiếng kêu thét thật khủng khiếp. Chúng vật nhau dưới nước.

Trận chiến tiếp tục, nhưng tôi nhìn không rõ nữa. Trời đã tối sầm. Chân tôi đau quá, do vậy tôi rời dốc đá. Đường về nhà tôi còn xa lắm.

Sau bữa đó, tôi không thể rời nhà suốt năm ngày. Chân tôi đau, nó sưng to lên gấp đôi bình thường. Tôi có đủ thức ăn, nhưng đến ngày thứ sáu, tôi cần nước uống. Tôi phải đi lấy nước từ con suối dưới khe sâu. Tôi rời nhà từ sáng sớm và tôi không thể đi. Tôi phải di chuyển bằng hai tay và đầu gối. Tôi cột cái túi trên lưng. Hai tay tôi kéo lê cây giáo, cung và tên. Đến trưa tôi mới đến khe. Nơi này không xa con suối, tôi nghỉ lấy sức một lúc.

Bỗng tôi thấy con chó to màu xám, con đầu đàn. Nó ở trong rừng cây bên trên tôi. Nó phát hiện ra tôi sau khi tôi phát hiện ra nó. Nó dừng lại, và những con chó khác dừng lại phía sau nó. Tôi nâng cây cung lên và lắp tên vào. Con chó to quay mình bỏ đi, các con kia đi theo sau nó.

Trong lúc chúng bỏ đi, tôi lắng nghe. Chúng đi rất êm, tôi chẳng nghe gì cả. Tôi biết chúng sẽ tấn công tôi từ mọi phía. Chân tôi đau, nhưng tôi bò chậm chậm xuống. Cây cỏ ở đây rậm, do vậy tôi không thể dùng cung và tên. Tôi để chúng lại sau lưng, tay cầm chặt cây giáo.

Con suối từ khe một tảng đá chảy ra. Các tảng đá khá cao khác bao quanh cả ba phía, làm thành một cái hang. Bọn chó không thể tấn công tôi ở tại nơi đây. Do vậy tôi có thể uống nước thoải mái. Tôi cho nước vào đầy túi. Sau đó tôi di chuyển ra chỗ miệng hang.

Tôi nhắm vào đầu của con chó to, lông xám. Nó đứng im, đôi mắt vàng khè của nó theo dõi tôi từng bước. Hay hay ba cái đầu khác xuất hiện phía sau nó. Bọn chúng đứng quá xa nên tôi không thể dùng giáo. Cây cỏ động dậy phía bên kia khe. Bọn chó đang chờ tôi đi ngang qua chỗ chúng.

Tôi trở vô hang. Tôi nghe có tiếng chân chó chạy trên cỏ ở bên trên. Tôi ở đây an toàn. Bọn chó trở lại vào buổi tối, nhưng bọn chúng không đến gần hang.

Không có lửa nên hang rất lạnh. Tôi ở lại tại đây sáu ngày cho đến lúc chân tôi khá hơn. Tôi chùi rửa hang, làm cho nó là nơi dễ sống hơn. “Nơi này có thể trở thành ngôi nhà thứ hai của mình.” Tôi nghĩ thế. “Có thể mình sẽ cần đến nó.”

Dân làng của tôi có lần sử dụng hang này. Hình cá heo, cá voi, hải tượng, chim chóc, chó, cáo, được khắc lên các bức tường đá. Còn có hai nơi có hình dạng cái chậu được khoét vào trong đá dùng để chứa nước.

Tôi làm thêm mấy cái bậc nhằm để thức ăn và rau quả. Tôi đem cung và tên về hang. Tôi làm một cái giường ngủ với một mớ cây khô tom góp được. Sau cùng tôi chặn miệng hang với đá. Tôi chừa một cái lỗ trên nóc để làm chỗ ra vào. Đó là những công việc nặng nhọc, những công việc của đàn ông. Nhưng tôi phải làm vì đó là cần thiết.

Sau đó tôi trở lại chỗ bọn hải tượng sinh sống. Xác con hải tượng già nằm trên bậc thềm cao. Chim đã ăn hết thịt. Nhưng tôi tìm được các vật và tôi cần: vài chiếc răng dài bằng bàn tay tôi. Tôi đem chúng về, gia công chút đỉnh. Tôi được bốn đầu mũi giáo đẹp, tôi bèn làm hai cây giáo.

Tôi đã sẵn sàng đến chỗ hang chó.

Trên đảo của chúng tôi, thường luôn có chó. Nhưng tôi chưa hề thấy con chó nào to có lông xám như con đầu đàn trước khi bọn Aleut đến. Tôi nghĩ nó có thể đến với họ. Và họ đã bỏ quên nó lại khi họ ra đi. Nó giờ là con chó đầu đàn và tôi sẽ giết nó trước.

Tôi kiểm củi chất gần miệng hang của lũ chó và đợi cho tất cả bọn chó đã vào hang rồi mới châm lửa đốt. Tôi sử dụng cái cung to, năm mũi tên và hai cây giáo. Lửa cháy rất tốt, gió đưa khói vào miệng hang. Thật lâu mới có ba con chó chạy ra. Sau đó là bảy con, đoạn bảy con nữa. Tôi không bắn chúng, cho bọn chúng chạy đi.

Lúc đó con đầu đàn mới chịu ra. Nó phóng qua ngọn lửa và đứng gần hang. Nó hít hít đánh hơi. Tôi đứng gần nó đến nỗi thấy cánh mũi của nó phập phồng. Nó không thấy tôi cho đến khi tôi nâng cung lên. Nó quay nhìn tôi. Đôi mắt vàng của nó nheo lại. Tôi nghĩ nó sẽ nhảy chồm lên tôi. Mũi tên cắm ngay ngực nó. Nó quay mình và ngã xuống. Mũi tên tiếp theo đã không trúng nó.

Ba con nữa chạy ra khỏi hang. Tôi lại dùng cung bắn chết hai con. Sau đó tôi đưa giáo lên và quay nhìn con đầu đàn. Nó không còn ở chỗ đó nữa. Tôi đi tìm một lúc lâu, nhưng tôi không thấy nó đâu nữa.

Tôi đi dọc con đường mòn đến chỗ các dốc đá. Bỗng tôi thấy một đoạn của cây tên. Nó gãy gần mũi của cây tên. Sau cùng tôi thấy dấu chân của nó trên mặt đất, tôi đi theo dấu chân đó. Giờ đã sẩm tối, tôi không còn trông thấy rõ nữa. Tôi đến một đồng đá và không còn trông thấy dấu chân của nó. Tôi đành bỏ đường mòn quay về nhà.

Sau đó trời mưa tầm tã suốt hai ngày, tôi không thể đi ra ngoài. Tôi làm một số tên mới. Sau đó tôi trở lại chỗ tôi thấy dấu chân của con đầu đàn.

Nó nằm sau đồng đá. Mũi tên còn nằm trong ngực nó. Tôi tưởng nó đã chết. Tôi nâng cao giáo lên và sẵn sàng phóng vào nó. Đầu nó hơi nhấc lên một tí trước khi tôi phóng cây giáo. Tôi rất đổi ngạc nhiên, dùng tay không phóng nữa.

Tôi leo lên đồng đá và nhìn xuống. Giờ tôi biết nó không chết. Tôi quyết định dùng cung. Tôi lắp tên và chuẩn bị bắn vào đầu nó.

Nhưng tôi không bắn. Con chó to nằm đó, nó không động đậy. Tôi nhìn nó một hồi lâu. Sau đó tôi tuột xuống. Nó vẫn không nhúc nhích khi tôi đứng kế bên nó. Đầu mũi tên ghim trên ngực nó dầm đầy máu. Bộ lông dày của nó dầm nước mưa.

Dường như nó đang hấp hối. Tôi đỡ nó lên. Nó rất nặng. Tôi phải nghỉ lấy sức nhiều lần mới đưa nó về đến nhà. Tôi đặt nó lên sàn nhà. Nó không nhìn tôi hoặc nhấc đầu lên. Nhưng tôi biết nó không chết. Đầu mũi tên cắm sâu, nhưng lấy ra không khó lắm. Nó không cự cựa khi tôi lau mình mẩy nó. Tôi để một ít nước gần nó. Tôi phải ra ngoài tìm lương thực. Tôi không nghĩ là nó sẽ sống. Tôi ghét nó thế mà tôi để nó nằm trong nhà tôi!

Nhưng nó không chết lúc tôi trở về. Tôi nâng đầu nó lên, đổ một ít nước vào mõm nó. Nó nhìn tôi, đôi mắt nó trông giống hai cái hố sâu.

Đêm đó nó uống một ít nước. Sáng hôm sau, tôi để một ít thức ăn gần nó. Nó đã ăn thức ăn khi tôi ra ngoài. Đến khi tôi trở về, nó ngó theo tôi khi tôi nấu ăn. Đôi mắt vàng của nó nhìn theo tôi suốt.

Tôi sợ nó làm bậy, do vậy tôi ngủ trên tảng đá. Ngày hôm sau, tôi lại ra ngoài. Nhưng tôi không lấp cái lỗ ở chỗ hàng rào. Nó có thể ra đi nếu nó muốn.

Nó vẫn ở lại khi tôi trở về với hai con cá. Tôi nấu cá. Vì thương hại nó, tôi cho nó một con. Sau khi tôi ăn xong, nó đến nằm bên đồng lửa. Nó luôn nhìn tôi với cặp mắt nho nhỏ, màu vàng.

Tôi ngủ trên đá bốn đêm. Tôi không bao giờ lấp lỗ hàng rào, và nó không hề đi đâu. Mỗi buổi chiều, nó chờ phần cá dành cho nó. Nhưng nó không nhận cá từ tay tôi. Tôi phải đặt cá xuống sàn nhà.

Ngày hôm sau, tôi trở về nhà sớm, nó không chờ tôi ở lỗ hàng rào. Tôi đột nhiên thấy buồn, tôi gọi “Chó! Chó!” tôi không biết tên nó. Tôi chui qua hàng rào và lại gọi nó. Nó đang ngủ trong nhà. Nó nghe tiếng tôi và bò dậy. Nó nhìn vào con cá, đoạn nhìn tôi. Đuôi nó bắt đầu vẫy.

Đêm đó, tôi ngủ trong nhà. Tôi nghĩ đến chuyện đặt tên cho nó. Tên là Rontu – trong ngôn ngữ của tôi, Rontu có nghĩa Mắt Cáo.

Tôi gọi “Rontu! Rontu!” Nó nhìn tôi và vẫy vẫy đuôi.

CHƯƠNG VII NHỮNG NGƯỜI BẠN MỚI

Mùa xuân và mùa hạ lại đi qua nhưng tàu của những người da trắng vẫn không trở lại. Mỗi ngày tôi đều trông chờ. Và tôi cũng chờ chiếc tàu đỏ của bọn Aleut. Cái hang ở dưới vực sâu là nơi ẩn nấp của tôi, ở đấy có nhiều nước và thức ăn. Nhưng bọn đi săn có thể tìm ra dễ dàng. Tôi cần phải có cách để rời đảo.

Chiếc xuồng mà tôi dùng để di chuyển đi vừa rồi còn nằm trên bãi. Tôi đào cát lấy lên và bắt đầu sửa chữa nó. Nó quá to, quá nặng để có thể di chuyển, do vậy điều trước tiên là phải làm cho nó nhỏ đi. Tôi chỉ dùng phân nửa số lượng ván. Tôi cắt ván cho đúng khổ, đoạn ghép khít lại với nhau. Đây không phải là chiếc xuồng thật đẹp. Nhưng nó chắc chắn và an toàn sau khi hoàn tất. Và nó đủ nhẹ để tôi lôi xuống nước.

Rontu và tôi sống trên bãi khi tôi đóng xuồng. Đôi lúc nó ngủ kế bên xuồng. Nhưng thường nó chạy quanh quẩn ở đó, tìm cách đuổi bắt chim. Không bắt được con chim nào, nhưng nó làm việc cật lực.

Nó nhanh chóng biết tên nó, nó hiểu những lời nói về chim và cá. Tôi nói chuyện với nó thật nhiều. Và tôi thường nghĩ tôi đang nói chuyện với một người.

Một ngày nọ tôi nói với nó: “Rontu, mày là một con chó đẹp. Nhưng mày ăn cá tao bắt được để tao ăn. Như thế mày có khác gì thằng ăn trộm?”

Nó chỉ hiểu các từ Rontu, chó và cá. Nhưng nó nghiêng đầu qua bên này, nghiêng đầu qua bên kia và nhìn chăm chăm vào tôi. Có Rontu, tôi không bao giờ cảm thấy cô đơn.

Một ngày nọ, chúng tôi thử chiếc xuồng vừa đóng. Tôi kéo xuồng xuống nước. Chúng tôi đi từ sáng sớm và chỉ trở về khi trời tối. Có rất nhiều hang động quanh đảo. Và chúng tôi tìm được cái hang động rất mới đối với chúng tôi. Hang này nằm gần cái đồi chỗ tôi ở.

Cửa hang hẹp, nhưng bên trong hang rộng. Có nhiều khoảng trống như cái phòng. Ở phòng thứ hai, rất tối không trông thấy gì cả. Tôi chợt nghĩ đến thần Tumaiyowit và sự chiến đấu của

thần với thần Mukat. Tumaiyowit đã đi xuống đất, đi xuống nữa và đến một thế giới khác. Có lẽ ông xuống một cái hang như thế này đây. Tim tôi tràn đầy nỗi sợ hãi.

Tôi chèo chậm chậm và đi đến gian phòng cuối cùng. Ánh sáng và nước đến đây xuyên qua một cửa hang hẹp. Có một cái bệ rộng bằng đá nằm dọc theo hang.

Nước biển dâng cao nhưng bệ nằm cao hơn mặt nước. Tôi có thể giấu chiếc xuồng trên bệ đó. Không ai có thể tìm xuồng ở nơi này.

“Chúng ta đã khám phá ra một chỗ tốt.” Tôi nói với Rontu.

Rontu đã không vẫy đuôi khi nghe tôi nói. Nó đang nhìn con mực khổng lồ ở trong nước. Tôi đưa cây giáo lên.

Cái loại thủy quái này có cái đầu nhỏ, đôi mắt to như hai quả bóng, cái miệng rộng và nhiều sợi râu. Con mực là loại thú rất nguy hiểm khi người ta ở dưới nước. Những sợi râu nó dài bằng cả con người. Chúng quấn râu chung quanh người bạn và kéo bạn xuống nước. Con thú đang ở trước mặt chúng tôi, các ảu của nó cựa quậy. Tôi nâng cây giáo lên. Chung quanh nó trở nên đen kịt. Thế là nó lội đi. Tôi chèo xuồng theo nó, cây giáo vẫn đưa cao nhưng không thể đâm nó.

Rontu nhìn chăm chăm vào chỗ nước đen.

“Nó đi rồi, Rontu.” Tôi nói. “Mày còn phải học nhiều.”

Con mực là thức ăn ngon nhất của biển cả. Thịt nó trắng, mềm và rất ngọt. Nhưng không dễ săn được nó nếu không có loại giáo đặc biệt. Tôi quyết định làm cây giáo như thế vào mùa đông.

Tôi rất hài lòng với chiếc xuồng của tôi. Rất dễ chèo, nước không rò rỉ.

Tôi dùng chiếc răng hai tượng cuối cùng để làm cây giáo mới. Mũi giáo có những ngạnh nhỏ, nhọn nằm hai bên. Cây giáo được cột vào một sợi dây. Đầu dây kia được cột vào một sợi dây. Đầu dây kia được cột vào tay tôi khi tôi sử dụng.

Bọn chó thường đến nhà tôi vào mùa đông. Rontu nghe tiếng bọn chúng, nó không muốn đi cùng với bọn chúng. Nhưng vào mùa xuân, nó có vẻ như thay đổi. Một ngày nọ nó đứng ở hàng rào tru lên. Nó không thèm ăn. Sau cùng tôi phải mở lỗ hổng hàng rào, để cho nó ra đi.

Tôi quyết định đi săn con mực khổng lồ vào ngày hôm nay, nhưng Rontu không trở về để cùng đi với tôi. Tôi lấy cây giáo mới và đẩy xuồng xuống nước. Cái hang chỗ con mực sống rất gần. Ngày hôm đó nước rất trong và tôi thấy rất nhiều con mực nhỏ.

Tôi nghĩ tới con Rontu khi tôi đi săn. Tôi rất tiếc là không có nó đi cùng. Có lẽ nó lại muốn sông với những con chó kia. Và nếu phải như thế, tôi biết tôi sẽ không bao giờ giết nó.

Vào giữa trưa, tôi giấu chiếc xuồng vào thềm đá. Tôi bắt được hai con mực nhỏ, còn con mực lớn thì không. Tôi đi bộ về nhà ở trên đồi.

Bỗng nhiên tôi nghe tiếng chó sủa. Chúng đang cắn nhau ở dưới vực hay trên dốc đá. Tôi lắp tên vào cung và vội chạy đến chỗ chó sủa. Có những dấu chân chó trên đường mòn, và có cả dấu chân to của Rontu.

Và rồi tôi trông thấy chúng. Rontu đang đứng trên dốc đá một ngọn đồi nhỏ. Những con chó khác đứng đối diện với nó. Nhưng có hai con đứng hơi xa hơn các con kia. Mồm của chúng đỏ

màu máu.

Một trong hai con này là chó đầu đàn mới. Con kia là một con chó ốm. Trận chiến là giữa Rontu và hai con chó đó. Các con còn lại chờ con nào ngã xuống là nhào vào ăn thịt. Bọn chúng không biết có tôi ở đây. Nhưng tôi nghĩ Rontu biết. Nó ngẩng cao đầu và hít không khí.

Hai con chó đối địch chạy qua chạy lại trước Rontu. Chúng nhìn nó lom lom. Chúng muốn tấn công Rontu từ hai phía. Nhưng dốc đá ở phía sau Rontu, do vậy chúng không thể tấn công từ phía này. Chúng đang nghĩ cách tấn công như thế nào là tốt nhất. Rontu đứng tại chỗ trên ngọn đồi.

Tôi đứng sau một thân cây và nhìn bọn chúng. Tôi không muốn giết bọn chó với các mũi tên của tôi. Đó là trận chiến giữa Rontu và chúng.

Rontu nhìn xuống đất. Tôi cho rằng nó muốn để cho bọn kia tấn công trước. Và quả đúng như thế. Bọn kia chạy tạt qua hai bên sườn của Rontu, nhưng Rontu đã sẵn sàng. Nó nhảy về phía con đầu đàn và gặm vào cái chân trước của con chó này. Mấy con khác đứng lặng im, do vậy ai cũng nghe tiếng chân gặm. Con đầu đàn vội chạy đi với ba cái chân còn lại.

Con chó ốm tấn công hông bên kia. Rontu quay nhanh nhưng đã trễ. Răng chó ốm đã cắm vào sườn nó, và Rontu ngã xuống. Nó nằm dài trên đất, các con chó kia tiến lại gần nó. Tôi không muốn con chó kia cắn chết Rontu, do vậy tôi lập mũi tên vào cây cung. Nhưng tôi không bắn. Con chó ốm quay lại và nhảy chồm lên phía sau Rontu.

Rontu vẫn đang nằm trên đất. Tôi cho rằng nó không thấy con chó kia. Nhưng tôi đã lầm. Bỗng Rontu chồm dậy, nó cắn nhanh vào cổ con chó ốm. Hai con lăn tròn xuống dốc đồi, răng của Rontu vẫn cắm chặt vào cổ con chó ốm. Bọn chó kia chạy theo và chờ đợi.

Vài phút sau Rontu đứng dậy. Nó đi lên đến đỉnh ngọn đồi nhỏ, cất cao đầu. Nó tru thật dài, thật to. Con chó ốm không bao giờ đứng lên được nữa. Con Rontu chạy qua chỗ tôi và chạy lên khỏi vực. Khi tôi về đến nhà, nó chờ tôi ở đó. Sau vụ đó, nó không bao giờ đi nữa cả. Và bọn chó kia cũng không bao giờ léo hánh đến chỗ đồi của tôi.

Vào mùa đông mưa rất nhiều. Đến mùa xuân có rất nhiều hoa. Những đóa hoa nhỏ màu đỏ phủ lên các ngọn đồi và những cây thon nhỏ mọc ở dưới vực sâu.

Nhiều loại chim đến trú ngụ ở đảo. Nhiều con làm tổ ở hàng rào và ở nóc nhà tôi. Có một loại chim hoàn toàn mới lạ đối với tôi. Nó có cái thân màu vàng vài cái đầu màu đỏ lụng.

Có một cặp chim làm tổ gần nhà tôi. Tổ chúng lơ lửng trên cây giống như một cái túi. Sau đó có hai cái trứng nâu trong đó. Chim trống và chim mái thay nhau ấp trứng trong vài tuần và các con chim con ra đời. Tôi để vài miếng cua sò dưới gốc cây và chim mẹ nuôi chim con với các thức ăn này.

Những con chim con màu xám, trông thật xấu xí. Nhưng mẩu lông đẹp ra ngay sau đó, và chúng trở nên đẹp giống như cha mẹ chúng. Chúng kêu những tiếng kêu chíp chíp êm tai, trong trẻo. Chúng trở thành những người bạn mới của tôi. Khi hầu hết các con chim bay về phía bắc, hai con chim nhỏ ở lại với chúng tôi. Chúng ăn thức ăn từ tay tôi và chúng không muốn ra đi. Chúng bay vào bên trong tường rào và không bao giờ bay qua chỗ vực sâu. Chúng bay đậu cả lên lưng của Rontu, nhưng chú chó chẳng làm gì cả. Chúng thường trở về nhà vào buổi tối.

Tôi đặt tên cho chúng. Con chim lượn hơn đặt tên là Tainor. Đó là tên một chàng trai mà có một lần tôi ưa thích. Bọn Aleut đã giết chết anh trong trận chiến đấu ở bãi biển. Con kia được đặt tên Lurai bởi vì đó là tên con gái mà tôi rất thích.

Tôi làm một cái váy bằng cỏ khác. Cái váy phủ đến gối tôi, có xẻ ở hai bên. Tôi cũng bện cho tôi hai đôi giày để dành khi đất nóng. Đôi khi tôi mặc váy và mang giày mới, trông mình cũng xinh ra phết.

Tôi cài hoa lên mái tóc dài của tôi, kết hoa cả lên cổ của Rontu nhưng nó lộ vẻ không thích. Chúng tôi thường cùng nhau đi dọc theo dốc đá và nhìn ra biển khơi. Chiếc tàu của người da trắng không trở lại, nhưng mùa xuân là mùa vui vẻ. Hương hoa tràn ngập không gian, chim chóc vui hót tung bừng.

CHƯƠNG VIII

BỌN ALEUT TRỞ LẠI

Mùa xuân đó chúng tôi không đánh bắt được con mực khổng lồ. Rontu và tôi thường đi tìm nó, nhưng không hề gặp nó.

Mùa hè đến. Một sáng nọ tôi nói với Rontu “Chúng mình không có đủ thời gian săn đuổi con mực nữa. Mình cần chuẩn bị lương thực cho mùa đông. Nhưng nếu như mình trông thấy nó, mình sẽ cố gắng bắt lấy nó.”

Do vậy, tôi cầm lấy cây giáo khi chúng tôi đi vào trong hang. Tôi chèo chiếc xuồng đến chỗ vũng đá nơi cua sò hay ở.

Nước biển xuống thấp, đá phủ đầy sò. Đến giữa trưa, tôi đã nạy lấy đủ sức để mang về. Tôi bèn cột thuyền vào bệ, rồi cùng Rontu leo lên các tảng đá. Tôi hi vọng bắt được vài con cá cho bữa ăn chiều.

Cá heo xanh lội ở xa xa chỗ thảm tảo. Rái cá chơi các trò chơi quen thuộc trên thảm tảo. Và hàng trăm con chim săn tìm các thức ăn trên thảm tảo. Lũ chim gập chúng vào mỏ, đoạn bay lên cao. Sau đó thả xuống đá, vỏ sò bể ra. Sò ngêu rơi như mưa xuống đá. Tôi không ngạc nhiên trước cảnh tượng đó. Rontu lại sợ.

Chúng tôi đến chỗ có những con cá to nhất sống. Tôi bắt được hai con có cái đầu to và răng dài. Loại cá này ăn rất ngon, tôi cho Rontu một con.

Lúc chúng tôi trở về nhà, Rontu chạy trước tôi. Bỗng nhiên nó đứng sững lại. Nó làm rơi con cá và nhìn qua bên kia một tảng đá. Tôi tiến gần bên nó. Có một con mực trong dòng nước trong. Đó là con mực mà chúng tôi đang tìm kiếm.

Rontu đứng im, không gây ra một tiếng động nhỏ. Tôi cắm mũi giáo vào thân cây giáo và cột một sợi dây dài vào cánh tay. Con thủy quái không di động. Nước không sâu, tôi thấy đôi mắt nó rõ ràng. Đôi mắt lồi ra khỏi cái đầu giống như những viên đá màu vàng giữa khối thịt màu đen.

Có một con cá trốn giữa khoảng trống của hai tảng đá. Một trong những sợi râu của con mực lòn nhẹ qua chỗ khoảng trống đó. Nó lòn qua khỏi chỗ con cá, bỗng đầu râu quật ngược trở lại. Con cá bị sợi râu quăn lấy một cách nhẹ nhàng. Lúc đó tôi phóng cây giáo vào đầu con mực.

Cái đầu to của con thú rất gần tôi, nhưng tôi không biết mình phóng trúng hay trật. Từ con thú bỗng tuôn ra một màn mây đen che khuất nó. Tôi chỉ còn thấy có sợi râu bứt con cá.

Thân cây giáo nổi lên trên mặt nước nhưng đầu mũi giáo lại không thấy. Bỗng sợi dây chỗ mấy ngón tay tôi kéo mạnh. Tôi biết con mực dính mũi giáo. Và nó đang lội đi với các mũi giáo ở trên mình.

Rontu nhảy chồm chồm bên cạnh tôi. Sợi dây khá chùng nhưng ngay sau đó nó đã siết chặt tay tôi. Tôi ghì chặt và nhảy qua khoảng cách giữa các tảng đá. Con mực kéo thật mạnh. Tôi không muốn kéo đứt sợi dây, do vậy tôi cho nó kéo từ từ.

Con mực di chuyển dần về phía hang. “Nếu nó đến đó an toàn, nó sẽ trốn ở đó.” Tôi nghĩ. “Và mình sẽ không bao giờ kéo nó ra nổi.” Chúng tôi tiến chậm chậm cho đến lúc gần như đến cửa

hang. Giờ tôi phải dừng lại. Sợi dây kéo thật mạnh, nó cứa tay tôi. Tôi không cảm thấy vết cứa, nhưng tôi thấy máu chảy.

Bỗng tôi không nghe dây kéo nữa, sợi dây như chùng lại ở trong nước. Tôi tưởng dây đã đứt. Nhưng thật ra con mực lại không vào cửa hang mà lại len lỏi vào các tầng đá. Nó tìm một chỗ an toàn để nấp.

Nước không quá sâu. Nó kéo sợi dây thật mạnh và tôi bước xuống nước. Nước sâu gần đến ngực tôi. Có một bãi cát không xa chỗ mấy tầng đá và tôi bước chầm chậm về hướng đó. Rontu lội bên cạnh tôi.

Tôi đến bãi cát trước khi con mực có thể ẩn mình trong các hốc đá. Tôi kéo sợi dây. Nó quay lại và lội về hướng cửa hang. Nó lội qua lội lại ba lần, cứ mỗi lần tôi kéo sợi dây mạnh hơn. Sau cùng nó đã bị kéo đến gần bãi cát hơn. Tôi kéo sợi dây thật mạnh. Con thú to lớn bị kéo trườn mình lên cát.

Nhưng nó chưa chết! Trước khi tôi kịp làm gì, con Rontu đã nhào tấn công. Ba sợi râu của nó quấn quanh cổ con chó. Con mực rất nguy hiểm khi ở dưới nước. Nhưng ở trên bờ, nó ghê gớm không kém. Nó rất mạnh và không dễ chết!

Nó cố gắng trườn xuống dưới nước và kéo Rontu xuống theo nó. Tôi không thể kéo sợi dây vì sợi dây quấn quanh chân Rontu. Tôi vội rút cây dao ở váy tôi ra và chạy đến chỗ con mực. Một sợi râu của nó đập vào chân tôi nghe rất bồng. Rontu cắn vào một sợi râu khác nhưng cắn không đứt.

Cái đầu to lớn cất lên. Đôi mắt vàng hoe của nó nhìn tôi. Cái miệng của nó mở ra và khép lại. Tôi tấn công con thủy quái với cây dao của tôi. Những cái râu quấn quanh tôi. Tôi cảm thấy hàng trăm vết châm chích vào khắp người tôi. Tôi dùng dao cắt từng lát vào râu nó. Những sợi râu trở nên yếu dần, sau đó thả lỏng tôi ra. Con mực đã chết.

Tôi quá mệt nên không làm gì nổi nữa. Tôi không còn đủ sức để kéo con mực qua khỏi vũng nước. Chiếc xuồng để đâu tôi để đó. Nhưng tôi lấy dao khoét lấy mũi giáo ra và cuộn sợi dây lại. Tôi cũng thu hồi được cán giáo. Cán giáo này rất tốt bỏ đi rất uổng.

Trời tối sầm khi tôi và Rontu về tới nhà. Rontu bị một vết thương nặng ở mũi, còn tôi cũng bị nhiều chỗ cứa đau. Trước khi mùa đông về, tôi còn thấy hai con mực lớn, nhưng tôi không tìm cách bắt chúng.

Mỗi ngày tôi đều nhìn ra biển nhưng tôi không hề thấy những cánh buồm đỏ của bọn thợ săn Aleut.

Tôi phải sẵn sàng đối phó với họ. Do vậy tôi lo gói ghém các thứ tôi không thường dùng: cái váy mới của tôi, đôi giày và các khâu chuỗi. Tôi làm một cái lồng lớn cho hai con chim.

Tôi nhặt bắt nhiều nghêu ốc, phơi chúng bên trên các bậc đá dài. Tôi cũng bắt hàng trăm, hàng trăm cá nhỏ và treo chúng lên trên mái. Các con cá nhỏ này ứng sáng khi khô. Chúng cho tôi ánh sáng khi trời sập tối.

Mùa hạ tôi và Rontu đi dạo xa. Chúng tôi đi rất nhiều nơi bằng xuồng. Chúng tôi thăm viếng cái bãi chỗ các con hải tượng sinh sống. Chúng tôi cũng khám phá ra một cái hang lớn, tôi đặt tên là Hắc Động. Chúng tôi cũng chèo đến Đá Dựng nơi những con chim biển to lớn, màu đen xây

tổ.

Đá Dựng ở cách đảo hai dặm. Nơi đây có nhiều chim đến nổi nhìn vào tường hòn đá biết động đây. Tôi giết mười con chim trong chuyến đi lần đầu. Tôi giữ lông chúng để làm váy.

Cả Rontu và tôi đều sợ Hắc Động. Cửa hang rất nhỏ, chúng tôi phải nằm dài trên xuồng mới có thể vào được. Có rất nhiều động trong hang này. Tất cả đều tối đen. Tôi thấy một bậc đá dọc theo thành hang. Nhiều tượng người và thú ngồi trên bậc đá. Chúng làm bằng gỗ và lông chim, mắt tượng là những vỏ sò nhỏ. Các tượng đó cao bằng tôi. Tay và chân dài, thân mình lại rất ngắn.

Tôi lại chèo trở ra cửa hang, nhưng đã quá trễ!. Nước biển lên cao và chiếc xuồng không thể ra khỏi cửa hang được.

Cửa hang giờ chỉ là một lỗ nhỏ “Chúng ta phải ở lại đây đêm nay cho đến sáng mai.” Tôi nói với Rontu.

Thật là một đêm rất khó chịu. Tôi không dám nhìn các đôi mắt lấp lánh của các pho tượng kì lạ đó. Mặc dù tôi biết các pho tượng đó là do bộ tộc tôi làm ra nhưng tôi sợ, và tôi nấp mình xuống đáy xuồng. Tôi chẳng ngủ được tí nào cả.

Sau cùng ngày cũng đến. Nước biển tụt xuống thấp, tôi vội vã chèo xuồng ra khỏi nơi tối tăm đó. Rontu cũng vui vì được ra khỏi nơi tù túng. “Tao không biết cái tên người ta đặt cho cái hang đó.” Tôi nói với Rontu. “Nhưng chúng ta sẽ gọi nó là Hắc Động, và chúng ta sẽ không bao giờ vào đó nữa.”

Tôi yêu thích mớ lông chim mới, đẹp của tôi. Và tôi sẽ không bao giờ quên cái ngày tôi quyết định đi lấy thêm. Tôi giết thêm mười con chim đen nữa. Khi tôi từ Đá Dựng trở về, trời đã về chiều. Tôi giấu xuồng vào chỗ cũ và bò lên dốc đá. Lên đến đỉnh dốc, tôi nhìn lại.

Chim chóc đang bay lượn bắt cua sò trên đảo biển. Bầu trời và nước biển thật trong xanh. Có vài đám mây trắng nhỏ xa xa trên mặt nước. Có một đám mây không giống những đám mây kia. Tôi chăm chú nhìn. Đó là một chiếc tàu. Một chiếc tàu với hai cánh buồm, chúng tôi không nhìn thấy rõ màu sắc của nó. Có thể là tàu của những người da trắng.

Rontu và tôi vội vã chạy về nhà. Tôi để lông chim gần bên hàng rào và leo lên tảng đá cao. Mặt trời đã hạ thấp ánh sáng vàng phủ trùm mặt biển. Ngay cả trong lúc này, tôi cũng chưa thể trông thấy rõ màu của các cánh buồm. Bỗng tôi chợt nhớ. Tàu của những người da trắng đến từ hướng đông. Chiếc tàu này đi vòng quanh đảo đến từ hướng bắc. Đây là một chiếc tàu của Aleut.

Tôi vội vào trong nhà, gói ghém thêm vài món đồ đặc nữa. Tôi cho hai con chim vào lồng. Tôi đem theo các hũ bằng đá, mấy cây giáo, cung tên, lông chim. Cá khô chưa khô nên tôi phải bỏ lại. Tôi để mọi thứ gần cái lỗ bên dưới hàng rào.

Tôi lại leo lên tảng đá cao khi trời gần như tối hẳn. Chiếc tàu chạy nhanh và đã gần đến bãi. Màu của các cánh buồm giờ đã trông rõ: Chúng màu đỏ!

Tôi biết bọn Aleut chỉ có thể rời tàu vào lúc sáng mai. Tôi hoàn toàn an toàn cho đến lúc đó nhưng tôi không chờ. Có nhiều việc phải làm. Tôi mang mọi thứ xuống hang ở vực sâu. Tôi có thể giấu đồ đặc ở đó vì đó là một nơi kín đáo. Trước khi tôi rời nhà, tôi lấy đất đắp lên lỗ. Tôi ném cua ốc, cá khô chưa khô xuống biển. Tôi phủ cát lên sàn nhà và trên những dấu chân tôi.

Chỗ ở của tôi phải trông giống như cũ kĩ và không có người ở.

“Không ai được biết có một cô gái sống ở đây.” Tôi nghĩ. Mặt trời vừa lên, tôi nhìn xuống bãi. Một chiếc xuồng nhỏ đang mang đồ đạc từ trên tàu xuống bãi cát. Vài tên Aleut đang vùi vãi săn rái cá trên các bãi tảo. Có một ngọn lửa ở trên bãi. Và gần ngọn lửa – một cô gái! Cô đang nấu nướng gì đó, lửa ánh hồng lên tóc cô.

Tôi và Rontu trở lại hang. Đây là một nơi tối tăm. Rontu ghét cửa hang nhỏ. Tôi phải và ra nhiều lần nó mới chịu vào theo. Tôi quá mệt nên ngủ cả ngày. Những ngôi sao lấp lánh khi tôi thức dậy. Tôi có thể thấy ánh sáng của các vì sao nhờ các kẽ hở của đá. Tôi bèn tỉnh ngủ và đi ra ngoài.

CHƯƠNG IX

TUTOK

Lều của bọn Aleut vẫn dựng lên chỗ cũ. Chỗ đó cách chỗ hang của tôi không xa. Tôi thật sự lo sợ khi trông thấy lửa của bọn họ.

“Mình biết bọn họ sẽ không phát hiện ra mình,” tôi tự trấn an. “Bọn họ luôn đi săn hoặc làm việc trên bãi. Nhưng mình cần lo cô gái. Cô ta sẽ đi quanh đảo kiếm cây củi trong vực. Khi cô ta xuống vực, cô sẽ thấy con suối. Và cô ta có thể lần theo vết chân để đến cửa hang.”

Tôi nghĩ đến nhiều chỗ khác ở trên đảo. Tôi cần có nước uống trong lành. Tôi cũng cần ở gần cái hang nơi tôi giấu chiếc xuồng. Nơi này có vẻ là nơi thuận tiện nhất. Do vậy tôi quyết không di chuyển.

Đêm nay trăng rất tròn. Tôi xách túi xách, cùng đi với Rontu lên ngọn đồi của tôi. Có một cái lỗ rộng ở chỗ hàng rào nhà tôi. Rontu không hực hực khi đi ngang qua nhà. Tôi biết không có ai trong đó. Tôi chứa đầy túi xách nước biển lượm bắt một số cua ốc, đoạn trở về hang trước khi trời sáng.

Nước biển giữ cho sò cua tươi, chúng sống được mấy ngày. Mỗi ngày tôi tom góp thêm nhiều thực phẩm trước khi mặt trời mọc. Mùa trăng tới, tôi có thể kiếm thêm cua sò.

Tôi không trông thấy một người Aleut nào, tuy thế, một ngày nọ, tôi thấy dấu chân của cô gái ở dưới vực. Nhưng cô ta không đi đến cửa hang. Những ngày nghe sao thật dài. Rontu không vui vì không được ra ngoài. Tôi chỉ cho nó đi ra ngoài khi tôi ra ngoài. Tôi tự bảo: “Nó sẽ đánh hơi bọn người đi săn, và nó sẽ đến lều của họ. Nếu nó là một con chó Aleut, nó sẽ nhìn họ. Nó có thể bỏ mình và không trở lại.”

Hang khá tối ngay cả lúc ban ngày nhưng tôi có một số ít cá khô ở đây, do vậy tôi có thể tạo nên một tí xúu ánh sáng. Nhờ đó tôi bắt đầu kết cái váy bằng lông. Cái váy bằng cỏ khô thì dễ kết hơn nhưng tôi lại muốn cái váy đẹp hơn. Tôi dùng ba tấm da vàng và kết phần bên dưới trước. Lông chim phủ lên váy từ trái sang phải. Sau đó tôi đặt các tấm da khác lên chỗ lưng. Lông chim phủ từ lưng xuống dưới.

Tôi đã đốt hết số cá con. Sau đó tôi ra ngoài hang để làm tiếp. Ra ngoài sáng, váy trông rất đẹp. Váy chủ yếu màu đen, nhưng có màu vàng và màu xanh lá cây óng ánh giữa màu đen.

“Rontu”, tôi vui sướng nói “Mày nghĩ sao?”

Rontu nghiêng đầu qua một bên, vẫy vẫy đuôi. Sau đó nó nằm xuống.

Tôi đang cầm cái váy sẫm soi trước mặt tôi, bỗng Rontu nhảy chồm lên. Có tiếng bước chân gần con suối. Tôi thấy cô gái Aleut đứng nhìn tôi.

Cây giáo của tôi nằm gần hang. Cô gái đứng rất gần bên tôi. Tôi biết tôi có thể giết cô ta nếu như tôi muốn. Dân tộc cô ta đã giết dân tộc tôi. Nhưng tôi lại đứng bất động.

Cô gái không nói gì, nhưng Rontu đi chậm về phía cô. Lông cổ nó dựng đứng, nhưng nó lại để cho cô vuốt ve nó. Cô dùng bàn tay ra dấu. Cô đang cố gắng nói con Rontu là con chó của cô.

“Không!” Tôi la lên. Tôi nâng cây giáo lên.

Cô không ra dấu nữa. Cô có ý cho rằng Rontu là con chó của tôi. Tôi sẵn sàng phóng cây giáo.

Cô đặt tay lên ngực và nói “Tutok”. Đoạn cô nhìn tôi. Tôi không nói tên tôi. Tôi gọi Rontu và nó chạy lại chỗ tôi.

Cô gái nhìn Rontu, rồi lại nhìn tôi. Cô mỉm cười. Cô lớn tuổi hơn tôi nhưng tôi cao hơn cô. Cô có gương mặt to, đôi mắt nhỏ, rất đen. Răng cô rất trắng.

Tôi vẫn đang ôm cái váy. Cô rờ rẫm và nói: “Wingtscha” Từ đó có nghĩa là đẹp trong ngôn ngữ của cô.

Tôi nâng váy lên, ánh sáng có thể chiếu xuyên qua cá tấm da. Cô gái lại sờ cái váy “Wingtscha”, cô lại nói. Cô muốn cầm lấy cái váy, và tôi đưa cho cô. Cô đặt váy ra phía trước, xoay qua xoay lại. Cái váy giống như nước cuộn quanh cô. Trông rất đẹp! Nhưng do ghét người Aleut nên tôi giặt lại.

“Wingtscha” Cô ta lại nói.

Thật thích thú được nghe tiếng nói của người khác sau một thời gian dài không nghe nói. Lời của cô gái lạ nghe rất êm tai.

Cô tiến lại gần cửa hang và nói cái gì đó. Cô đang hỏi đó phải là nhà tôi không?

Tôi vội nói: “Không” tôi ra dấu bảo với cô rằng nhà tôi nằm phía bên kia hòn đảo. Tôi không muốn đưa bọn đàn ông đến đó.

Cô lại nhìn vào hang, nhưng cô không nói thêm lời nào. Tôi cầm giáo lên, nhưng không phóng.

Cô nắm lấy tay tôi. Mỉm cười với tôi. Tôi không thích bàn tay nắm lấy tôi. Cô lại nói với tôi mấy lời nữa đoạn đi lại chỗ con suối. Đoạn cô ra đi không nói thêm lời nào. Rontu không đi theo cô.

Tôi đi vào hang và đóng gói mọi thứ. Tôi có cả ngày để gói ghém đồ đạc bởi vì bọn Aleut làm việc cho đến chiều tối. Vào lúc xế chiều, tôi đã sẵn sàng. Tôi mang năm cái túi lên khỏi vực và giấu đi. Đoạn tôi quay trở lại để lấy hai túi còn lại. Trên đường trở về, tôi nghe có tiếng động, tôi dừng chân lại Rontu cũng nghe. Sau đó tôi đi thật chậm. Đến gần cửa hang tôi dừng lại và nhìn vào hang. Tôi sợ không dám vào nên tôi quay trở ra. Lúc đó tôi trông thấy một xâu chuỗi màu đen nằm trên tảng đá phẳng trước cửa hang. Tôi không vào hang cũng không lấy xâu chuỗi. Tôi ngủ gần các cái túi, ngày hôm sau tôi trở lại hang. Tôi nấp đó suốt buổi sáng.

Vào giữa trưa cô gái đến. Cô vừa đi vừa hát, nhưng khi thấy xâu chuỗi, cô không hát nữa. Cô nhìn vào hang và đi xuống núi. Tôi đứng chồm dậy “Tutok”, tôi kêu lên, chạy đến chỗ cô “Tutok”.

Cô chờ đợi tôi. Tôi băng qua cụm đá, lấy xâu chuỗi lên đeo.

“Wingtscha” cô nói.

“Wingtscha”, tôi lặp lại. Từ lạ làm tôi lú lẫm.

Sau đó tôi nói từ “đẹp” bằng tiếng nước tôi.

“Wintai” Cô lặp lại và cười to. Chúng tôi ngồi lên tảng đá. Sau đó cô nói cho tôi tên gọi của xâu chuỗi, tôi lại nói cho cô nghe tiếng của dân tộc tôi.

Chúng tôi học nhiều từ chỉ các đồ vật khác bằng hai thứ tiếng: dòng suối, hang động, con chim,

mặt trời, Rontu ngủ. Chúng tôi cười to bởi vì tiếng chúng tôi hoàn toàn khác nhau. Chúng tôi học hỏi với nhau cho đến khi mặt trời xuống thấp về hướng Tây. Sau đó Tutok đứng dậy và già từ.

“Mah-nay” cô nói và chờ đợi. Cô muốn tôi nói tên tôi.

“Won-a-pe-ei” tôi đáp. Tôi đã không nói tên thật của mình.

“Won-a-pe-ei”, cô lặp lại.

“Won-a-pe-ei, Tutok”, tôi nói.

Sau khi cô đi về, tôi mang năm cái túi trở vào hang.

Ngày hôm sau, ngày hôm sau nữa, Tutok lại trở lại. Chúng tôi học lẫn nhau nhiều từ mới và vui cười với nhau. Mặt trời đi nhanh qua bầu trời. Vào ngày kế tiếp, tôi nói tên thật của tôi:

“Karena,” tôi nói.

“Karena?” Cô lặp lại. “Còn Won-a-pe-ei?”

Tôi ra dấu không phải. Tôi đưa tay lên ngực mình và nói “Karena”.

Đôi mắt đen nhánh của cô mở to, cô cười hiền: “Karena à?”

Đêm hôm đó, tôi làm quà để biếu cô. Đó là một xâu vỏ sò, tôi bị trầy xước nhiều khi làm công việc đó. Khi tôi quấn xâu chuỗi quanh đầu cô, cô trông rất đẹp.

“Wintscha” cô nói và ôm chặt lấy tôi. Cô rất sung sướng và tôi cũng rất vui. Tôi quên hẳn việc tay tôi bị đau.

Tutok đến với tôi thường xuyên. Nhưng một buổi sáng nọ, chị không đến tôi biết những người thợ săn đang chuẩn bị rời đảo. Tôi chờ đợi cô cho đến xế trưa, đoạn đi lên trên đồi. Gió mạnh thổi ra biển.

Bọn Aleut ở đấy, nhưng họ không đi săn. Mấy chiếc xuồng chở da rái cá cuối cùng đang rời bãi. “Tàu sẽ nhổ neo sáng ngày mai” tôi nghĩ.

Trời tối đen và lạnh khi tôi trở lại vực. Giờ tôi không sợ bọn Aleut nữa, do vậy tôi đốt lửa lên. Tôi nấu thức ăn với sò cua, các loại đậu cho Rontu, cho tôi và cả Tutok nữa. Tôi biết Tutok không thể đến. Tôi để thức ăn dành cho Tutok trước ngọn lửa và chờ đợi. Gió tạo những âm thanh kì lạ giữa lòng vực. Tôi không ăn được.

Trước khi mặt trời lên, tôi lại lên đồi. Gió đã nhẹ bớt nhưng nhiều mây phủ mờ bầu trời. Tôi phải chờ đợi rất lâu mặt trời mới xua mây mù đi. Bãi biển vắng tanh. Chiếc tàu Aleut với hai cánh buồm đỏ không còn ở đó nữa.

Tôi nhớ tới Tutok và trò chơi dạy chữ. Tôi nhớ tất cả những lúc chúng tôi ngồi bên nhau. Trong đầu tôi còn nghe tiếng nói của cô. Tôi có thể thấy đôi mắt đen nhánh của cô lấp lánh khi cô cười. Rontu rượt đuổi các con chim. Làm ầm ĩ cả lên. Tôi còn có thể nghe tiếng gào thét xa xa của những con hải tượng. Nhưng tôi đang nghĩ về Tutok, hòn đảo dường như rất hoang vắng.

CHƯƠNG X THẾ GIỚI LOÀI VẬT

Một buổi sáng ngay sau ngày bọn Aleut ra đi, tôi trông thấy một con rái cá nhỏ. Bọn người đi săn đã cố giết nó. Nó gần chết, nằm dài trên tảng biển. Thật ra thì Rontu trông thấy nó trước. Có một vết đâm sâu bằng giáo trên lưng nó.

Con rái cá có đôi mắt to, những con rái cá còn trẻ đều có đôi mắt thật to.

Trông nó rất sợ hãi. Đôi mắt nó to đủ thấy cả gương mặt tôi trong đó. Nó đã không cố lội đi khi tôi ôm nó lên. Tôi mang nó đến chỗ hồ nước phía sau tảng đá. Tôi không sờ đến vết thương trên lưng nó bởi vì nước biển mặn đã rửa sạch vết thương.

Mỗi ngày tôi mang đến hai con cá và thả xuống hồ. Con rái cá không ăn cá. Khi tôi đứng nhìn. Sau đó tôi mang đến bốn con, và nó ăn hết cả. Sau cùng tôi mang đến sáu con, con số này đúng là vừa đủ.

Con rái cá lớn dần lên, nhưng nó không rời hồ nước. Nó đã quen dần với tôi, nó ăn cá từ trên tay tôi. Biển không xa chỗ hồ nước. Nếu nó muốn, nó có thể ra biển dễ dàng. Nhưng nó lại ở lại chỗ hồ nước và ngủ tại đó. Vào mỗi buổi chiều, nó đợi phần cá của nó. Giờ nó đã dài bằng cánh tay tôi, da nó trở nên rất đẹp. Đôi mắt nó rất, rất to. Lúc đầu tôi gọi nó là “Rái cá”, nhưng sau tôi quyết định đặt cho nó cái tên đẹp hơn. Tên “Mon-a-nee”. Nghĩa của chúng tôi là “Cậu bé với đôi mắt to”.

Bắt cá cho Mon-a-nee là một công việc làm khó nhọc. Một ngày nọ có gió to, tôi chỉ bắt được hai con cá. Tôi thả nó vào hồ, Mon-a-nee ăn hết nhanh chóng. Nó chờ được cho thêm. Nó tỏ vẻ không vui khi tôi không cho nó được thêm nữa.

Sau đó đông tố càng tệ hại hơn. Trong ba ngày liền, tôi không bắt được con cá nào.

Hết đông gió tôi trở lại, cái hồ nước vắng lặng. Tôi biết, lẽ dĩ nhiên, một ngày nào đó, Mon-a-nee sẽ ra đi. Tôi cảm thấy buồn vì một người khác đã ra đi. “Mình sẽ không còn được bắt cá cho nó nữa!” Tôi tự nhủ “Giờ nó đã to lớn, khỏe mạnh. Nó giống như những con rái cá khác nằm trên tảng biển. Mình sẽ không nhận ra nó khi gặp lại nó.”

Sau khi bọn Aleut ra đi, tôi trở lại chỗ đồi.

Ngôi nhà vẫn như cũ. Tôi chỉ phải sửa lại cái hàng rào. Tôi đã ném cua sò và dầu cá khi bọn Aleut tới. Nhưng Rontu và tôi dễ dàng tìm kiếm lương thực để ăn. Đêm về thật tối, do vậy tôi chỉ làm việc ban ngày. Mùa đông này tôi kết sợi dây khác cho cây giáo của tôi.

Vào những ngày đẹp trời, tôi mang xâu chuỗi hạt trai mới của tôi và mặt cái váy bằng lông chim. Khi mang chuỗi hạt và mặc cái váy lông chim tôi lại nhớ Tutok. Tôi như có thể nghe giọng nói của cô ấy bằng tiếng dân tộc cô. Tôi cũng nghe tiếng trả lời tôi bằng tiếng dân tộc tôi nữa.

Mùa xuân là mùa của hoa lá và chim chóc. Nước chảy từ vực ra biển.

Tainor và Lurai xây tổ trên cái cây mà chúng đã sinh ra. Chúng xây tổ chủ yếu bằng gỗ khô và lá khô. Chúng cũng lấy lông trên lưng của Rontu nữa. Rontu không thích điều đó tí nào. Nó đã tìm cách né tránh cho đến khi hai con chim làm xong tổ.

Lurai đẻ ra hai cái trứng màu nâu. Tôi đã đứng khi đặt tên cho nó là tên con gái. Tainor phụ Laurai trong việc ấp trứng. Hai con chim nhỏ xấu xí chẳng mấy chốc trở nên đẹp đẽ. Tôi cũng đặt tên cho chúng. Tôi cũng tìm thấy một con hải âu trên bờ đá. Nó bị gãy chân. Tôi bó chân gãy của nó bằng ba que cây nhỏ. Nó chưa đủ lớn để bay, do vậy nó đi lòng vòng trong nhà.

Tôi có trong nhà hai con chim con, con hải âu trắng và Rontu. Gia đình tôi sống vui vẻ nhưng tôi không thể quên Tutok. Tôi cũng nhớ đến chị Ulape. Tôi không biết giờ chị ấy ở đâu. Chị đã vẽ một lần xanh trên mặt trước khi rời đảo. Giờ chị chắc đã có chồng. Chị có thể cùng anh Nanko có mấy đứa con. Tôi luôn mong ước có những đứa con của riêng mình nó không giống những đứa trẻ khác.

Một ngày nọ, trong lúc tôi đi bắt ốc, bắt cua, tôi thấy một nhóm con rái cá nằm trên tảng. Tôi đưa mắt tìm Mon-a-nee, nhưng tôi không thấy nó. Bỗng có một con lộn theo tôi khi tôi chèo xuống đi. Nó lộn vòng vòng trước mũi xuống. Tôi tin chắc đó là Mon-a-nee. Do vậy tôi đưa con cá lên. Con rái cá lộn đến rất nhanh. Chỉ thoáng chốc nó đã ngậm con cá vào mồm.

Nhiều tuần sau đó tôi không thấy nó. Nhưng vào một buổi sáng, khi tôi săn bắt cá, bỗng thấy nó từ đám tảng lộn đến. Hai con rái cá con chậm rãi lộn theo nó. Mon-a-nee đến gần chiếc xuống. Tôi ném một con cá xuống nước. Nó muốn con nó có cá, nhưng chúng bận ngó tôi. Mon-a-nee không đụng đến con cá cho đến khi con cá lộn đi. Mon-a-nee bắt lại và đặt cá trước mặt con của nó.

Tôi ném cho nó con cá khác và nó cũng làm như thế. Hai con rái cá con chỉ đùa với con cá. Sau khi chơi đùa đã đời, chúng lộn đến chỗ Mon-a-nee. Lúc đầu tôi tưởng nó là cha. Nếu mẹ rái cá chết, cha chúng thường chăm chúng. Nhưng hai con rái cá con này đến bú sữa mẹ. Bây giờ tôi biết Mon-a-nee là mẹ chúng.

Tôi nhìn xuống cái gia đình bé nhỏ. “Mon-a-noo” tôi nói “Tao sẽ đặt cho mày tên mới.” Tên đó là “Mon-a-noo”. Đó mới đúng là tên của “Cô gái có đôi mắt to”.

Bọn rái cá con lớn nhanh, và chúng đã lấy cá từ tay tôi. Mon-a-noo thích cua ốc hơn, nó ngậm viên đá vào miệng. Đoạn nó nằm ngửa ra, để con sò trên ngực. Nó đập con sò cho đến khi vỏ sò vỡ ra.

Mấy con rái cá cũng làm như thế. Tôi xem chúng làm không ngăn được tiếng cười to. Đường như chúng làm thế để con tôi vui. Nhưng tôi không biết bọn rái cá ăn sò ốc bằng cách nào.

Mùa hè năm đó, tôi vui chơi với Mon-a-nee và gia đình của nó. Kể từ sau đó, tôi không bao giờ giết rái cá nữa. Tôi dùng áo khoác bằng da rái cá cũ, không bao giờ làm cái mới nữa. Tôi không bao giờ giết chim, giết chó và hải tượng. Dân tộc chúng tôi giết chim chóc và thú vật một cách rất vô tư. Nhưng chúng đều là bạn của tôi. Và tôi hiểu rằng thế giới sẽ tốt đẹp hơn khi có chúng sống trong đó!

Chân của con chim hải âu dần khỏe hơn. Nó có thể bay khi tôi lấy đi mấy que bó chân. Một ngày nọ nó bay đến chỗ các con chim hải âu khác nên trên dốc đá. Tôi leo lên chỗ đó, trên đó có nhiều trứng chim.

Có hàng mấy trăm con chim ở đây, tôi không tìm ra con chim của tôi.

Bọn Aleut không bao giờ trở lại đảo. Mỗi mùa hè tôi chờ đợi họ. Và mỗi mùa xuân, tôi bắt sò ốc

và phơi khô. Tôi để chúng vào trong hang nơi chiếc xuồng. Tôi cũng cất giữ cây giáo mới, cung tên cũng ở nơi đây. Nếu bọn đi săn trở lại, tôi đã sẵn sàng.

Bọn rái cá cũng sợ người Aleut. Cứ mùa hè đến con rái cá già lại nhớ đến cây giáo của người Aleut nên dẫn đàn đi nơi khác. Chúng lội đến các bãi tảo ở Đá Dựng. Chúng ở đây cho đến khi có những cơn đông của mùa đông.

Đến một mùa hè, bọn rái cá không đi nữa. Tôi biết không một con nào trong bọn chúng nhớ đến bọn săn bắt. Tôi cũng hay nghĩ đến họ, ngay cả những người da trắng nữa.

Vào cuối mùa hè năm đó, Rontu chết. Nó đã quá già, quá mệt mỏi, và thích nằm sưởi ấm dưới mặt trời. Nó không cùng tôi đi đến xuồng nữa.

Một ngày nọ, nó đứng cạnh hàng rào. Tôi cho nó ra ngoài và nó đã không trở lại. Tôi chờ nó cho đến chiều hôm sau. Dấu chân của nó dẫn tôi đến cái hang nơi xưa khi bọn chó đã sống. Tôi tìm thấy nó ở đây, nằm một mình ở tận cùng hang. Nó nằm yên, không cựa quậy. Giờ trời đã tối, do vậy tôi quyết định ở lại với nó. Tôi ngồi bên cạnh nó và nói chuyện với nó suốt đêm. Sáng hôm sau, tôi ôm nó lên và rời khỏi hang. Nó rất nhẹ. Tôi nghĩ một phần cơ thể nó đã ra đi.

Nó vĩnh tai nghe tiếng chim hải âu kêu trên dốc đá. Đôi mắt nó nhìn về hướng đó, nhưng nó không rên một tiếng. Tôi đặt đầu nó nằm xuống, và nó không ngước đầu lên nữa. Tôi đặt tay lên ngực nó. Tim nó hai lần vang lên âm thanh giống như tiếng sóng vỗ bờ. Sau đó ngừng hẳn.

“Rontu” tôi khóc lớn “Ôi, Rontu!”

Tôi đào một cái hố sâu ở trên đồi và mang Rontu lên đó. Tôi đặt vài đóa hoa và món đồ chơi ưa thích của nó lên nắm mồ. Đó là một cây gậy mà chúng tôi thường chơi chung với nhau. Tôi ném cây gậy ra xa và nó nhặt lại cho tôi. Nó không bao giờ chán trò này.

Những khi đông bão vào mùa đông, tôi không bao giờ đi xa khỏi nhà. Tôi chặt cây và kết lại với nhau làm thành một cái bẫy. Tôi muốn nuôi một con thú thân yêu khác. Tôi nhớ đến một con chó nhỏ giống như Rontu. Lông nó dày và mắt nó có màu vàng giống hệt như Rontu. Cách nó chạy cũng giống như Rontu. Tôi tin chắc chúng là cha con. Tôi hi vọng sẽ bắt được con chó đó.

Sau khi Rontu chết, bọn chó thường chạy lên đồi. Tôi đặt vài con cá vào trong bẫy cây và để bên ngoài hàng rào. Tôi bắt được ba con nhưng không có con mắt vàng. Tôi thả chúng ra, thế là bọn chúng không mắc bẫy nữa.

Một đêm nọ tôi bắt được một con cáo nhỏ lông màu đỏ. Nó cắn tôi khi tôi lôi nó ra khỏi chuồng. Tôi thử nuôi nó, nó rất thích được ở trong nhà. Những khi nào tôi bỏ nó một mình, nó lại ăn vụng thực phẩm khô. Do vậy tôi thả nó đi. Nhưng nó luôn trở lại, đứng ở ngoài hàng rào để chờ thức ăn.

Tôi không bắt được chó ở trong bẫy nhưng tôi nảy ra một ý khác. Tôi nhớ đến thức uống mà đàn ông hay dùng. Thức uống này được làm bằng vỏ sò, nước và một loại cỏ, Bọn đàn ông sau khi dùng đều ngủ mê ngủ mệt.

Tôi lấy vỏ sò nghiền nhỏ ra, hòa với nước và dược thảo. Sau đó tôi đặt chất hỗn hợp đó xuống chỗ hố nước nơi mấy con chó thường đến uống. Tôi núp sau một bụi cây và chờ đợi.

Chiều tối bọn chó đến. Chúng đánh hơi và quay đi. Các con chó ngó chừng nhau. Một con trong

bọn chúng thử uống, sau đó cả bọn cùng uống. Uống xong, chân bọn chúng như rã ra. Sau đó chúng nằm dài ra ngay say như chết.

Tôi đếm được chín chú chó ngủ gần hồ nước. Trời tối sẫm. Tôi phải tìm cho ra con chó tôi mong muốn. Sau cùng tôi cũng tìm ra nó. Tôi ôm nó lên và mang về đồi.

Tôi kéo nó qua cái lỗ chỗ hàng rào và cột nó lại. Nó tỉnh dậy không lâu sau đó, đoạn uống một ít nước mát. Nhưng nó kêu ầm suốt cả đêm cho mãi đến sáng.

Tôi đặt cho nó là Rontu-Aru, có nghĩa là con của Rontu. Chỉ sau một thời gian ngắn, chúng tôi đã trở thành đôi bạn thân. Cũng như cha nó, nó thích rượt đuổi theo chim. Và tôi quên hẳn nó không phải là Rontu.

Mùa hè là một mùa vui sướng. Nhưng tôi luôn nhớ tới Tutok và chị Ulape của tôi. Đôi khi dường như tôi nghe tiếng của họ vang trong gió!

CHƯƠNG XI NHỮNG NGƯỜI KHÁCH

Mùa xuân lại đến. Không có gió trong nhiều ngày. Trời nóng bức, khó thở. Vào ngày cuối của đợt nóng tôi lấy xuống đến bãi biển nằm dưới dốc đá. Rontu-Aru không đi với tôi vì nó không ưa cái nóng. Không có một con chim bay trên trời, Rái cá nằm yên trên tảng đá. Biển dường như óng ánh màu đỏ lửa kì lạ.

Tôi muốn sửa chữa vài lỗ rò trên xuồng và tôi làm việc suốt cả buổi sáng. Trời quá nóng, đôi lúc tôi phải nhào xuống biển.

Đến giữa trưa, tôi lật úp xuồng và nằm ngủ dưới bóng xuồng.

Thình lình có một tiếng ầm dữ dội đánh thức tôi dậy. Lúc đầu tôi nghĩ đó là tiếng sấm. Nhưng không có một gợn mây trên bầu trời. Tiếng ầm ầm lại tiếp tục, càng lúc càng to hơn. Tiếng ầm ầm đến từ phía Nam.

Tôi đứng ngay dậy. Cái mà tôi thấy đầu tiên là bãi biển. Bãi biển dường như rộng ra gấp ba so với bình thường! Nước biển rút ra thật xa. Tôi cảm thấy như mình đang ở một hòn đảo khác.

Tiếng ầm ầm làm điếc tai tôi. Sau đó tôi thấy một con sóng lớn ở cách bãi độ hơn một dặm. Nó đang tiến về phía đảo.

Tôi chạy dọc theo bờ biển. Cát chuyển động dưới chân tôi khi con sóng đầu tiên ập xuống. Nước rơi chung quanh tôi như mưa. Có cả tảng đá và cá con. Chỉ trong chốc lát nước ngập đến đầu gối. Dốc đá đang ở trước mặt tôi. Đá trơn trượt, nhưng tôi đã tìm được chỗ để chân và bám chặt hai tay. Đầu ngọn sóng lớn không đánh đến chỗ tôi đang bám.

Không một tiếng động trong một phút. Con sóng đầu tiên bắt đầu rút ra xa. Cùng lúc đó có một con sóng khác đến từ phía Nam. Tôi nhìn lên trên. Dốc đá ở bên trên tôi. Tôi không thể leo cao hơn, do vậy tôi bám chặt lấy chỗ tảng đá. Hai con sóng lớn gặp nhau, nước bay vút lên cao. Tiếng ầm của hai ngọn núi nước vang động khắp bầu trời. Ánh sáng đỏ của mặt trời biến biến cả thành máu.

Con sóng thứ hai đẩy con sóng thứ nhất trở lại đá. Nước vây bọc lấy tôi, tôi không thấy gì nữa cả. Sóng muốn lôi tay chân tôi ra khỏi dốc đá. Tôi phải cố bám. Bỗng tiếng ầm yếu dần.

Đêm đến. “Trời tối quá mình không về nhà được,” tôi nghĩ. “Mình sẽ không thấy đường đi.” Do vậy tôi leo xuống và nằm ngủ dưới chân dốc đá.

Sáng hôm sau trời sáng, và lại không có gió. Bãi biển đầy tảng đá và cá chết. Có hai con cá voi nhỏ nằm bên các tảng đá. Chúng không bao giờ trở về được biển cả.

Rontu-Aru đang chờ tôi ở cổng. Nó rất vui khi trông thấy tôi, nó không rời khỏi tôi suốt mấy giờ liền. Ngôi nhà tôi không hư hao gì, nhưng mọi vật êm ả đến kì lạ. Biển không gây tiếng động ở bãi. Thế giới dường như chờ đợi một cái gì đó! Vào buổi chiều, tôi đi đến chỗ con suối. Rontu-Aru và tôi đi dọc theo bờ đá, tôi mang một túi nước.

Bỗng nhiên mặt đất rung chuyển nhẹ. Nó rung chuyển dưới chân tôi. Trong một lúc, tôi có cảm tưởng mình đứng giữa không trung. Cái túi rơi xuống đất. Tôi nghĩ một đợt sóng nữa sẽ đến, tôi bắt đầu chạy. Mặt đất rung động, một trận động đất. Đất rung dưới chân tôi dọc theo bờ đá.

Một đợt sóng nữa đến chỗ tôi. Tôi nhìn lại và nghe nhiều đợt rung chuyển nữa. Chúng đến từ phía Nam, giống như những đợt sóng biển. Rontu-Aru và tôi nằm dài trên mặt đất. Sau đó chúng tôi chạy về chỗ ngọn đồi. Trong khi chúng tôi chạy, ngôi nhà dường như chạy khỏi chúng tôi. Sau cùng chúng tôi đến hàng rào chui vào lỗ hổng.

Đêm xuống. Đất vẫn chuyển động lên xuống, giống như một con thú đang ngủ. Đá từ trên ngọn đồi vẫn không rơi xuống. Tôi biết các tộc trưởng quá cố của chúng tôi không giận tôi và Rontu-Aru.

Vào buổi sáng, đất trời im ắng trở lại. Gió mát mang mùi tảo biển đến từ hướng Bắc.

Động đất đã làm thiệt hại rất nhiều. Con suối cạn khô trong mấy ngày, sau đó nước chảy trở lại. Nước lại có nhiều hơn trước! Những đợt sóng thần đã phá hủy mọi thứ tôi để trong hang: cả thực phẩm, cây giáo và chiếc xuồng.

Tôi đi đến các tảng đá nằm gần các dốc đá ở phía Nam. Tất cả chiếc xuồng dân tôi giấu ở đó đều bị đá đổ xuống phá hủy. Không còn cây lớn ở trên đảo. Do vậy tôi đi gọt nhặt các tấm ván xuồng vỡ. Tôi làm một chiếc xuồng khác.

Giờ thì đã cuối mùa xuân. Tôi phải làm nhanh nếu như tôi muốn có thực phẩm ngon.

Các tấm ván dài bằng sỏi tay tôi. Nhưng phần lớn chúng được lấy từ những chiếc xuồng khác nhau, do vậy công việc không dễ dàng. Tôi đi đến bãi mỗi ngày và làm việc cật lực.

Một buổi sáng nọ, tôi đang làm việc bỗng có gió lớn. Ban đầu tôi tưởng có dấu hiệu của bão. Tôi quay người nhìn lên bầu trời. Ở phía Bắc, trời rất trong, nhưng ở phía Đông trông trời đen tối. Có những cụm mây xám và bóng của mây trên mặt nước.

Nhưng cùng lúc đó, tôi thấy cái gì đó không phải là bóng mây. Tôi đưa hai tay lên và la to. Đó là một cánh buồm, một chiếc tàu! Nó ở cách xa đảo một hai dặm.

Tôi vội chạy lên đồi. Cơn gió mạnh đẩy chiếc tàu lại gần. Tôi không thấy những cánh buồm đỏ của tàu bọn Aleut. Cũng không giống tàu của người da trắng. Có thể là tàu đi săn rái cá. Nếu đó là những người đi săn, tôi sẽ tìm chỗ nấp. Tôi có thể đi xuống hang chỗ vực sâu. Nhưng có thể đó là tàu của dân tôi đến đưa tôi đi. Tôi không muốn trốn những người muốn giúp tôi. Chiếc tàu dong buồm chạy từ từ vào bãi. Tôi có thể thấy những người trên tàu. Đó không phải là bọn người Aleut.

Hai người đàn ông chèo xuồng đi đến bãi. Một trong hai người này có râu, ở lại giữ xuồng. Người kia nhảy xuống nước và đi về phía vực.

Sau đó tôi không thấy y nữa, nhưng tôi nghe một tiếng hú. Tôi biết y đã trông thấy chiếc xuồng và một ít đồ vật của tôi. Không ai trả lời cho y. Tôi biết chắc y hú gọi tôi. Tôi bèn rời hang và đi về nhà. Tôi khoác lên người cái áo khoác da rái cá, mặc cái váy bằng lông chim, và đeo chuỗi hạt trai. Đoạn tôi và Rontu-Aru đi theo con đường mòn ra bãi biển.

Tôi đến nơi dân tôi thường ngủ lúc mùa hè. Tôi đã nghĩ về họ. Tôi nghĩ về những ngày hạnh phúc sống trong căn nhà ở trên đồi. Tôi nghĩ đến chiếc xuồng đã gần như đóng xong. Tôi cũng nghĩ về nhiều điều khác nữa. Nhưng có một ý nghĩ mạnh hơn tất cả, tôi muốn sống nơi có con người sống. Tôi muốn nghe tiếng nói và tiếng cười của họ.

Người đàn ông không gọi nữa, tôi đã trông thấy dấu chân của y, tôi đi theo dấu chân đó ra bãi. Chiếc xuồng đã trở lại tàu, Tiếng gió rất mạnh và bầu trời phủ đầy mây đen. Tôi đưa tay lên

miệng và gọi to. Tôi gọi nhiều, nhiều lần, nhưng gió đã thổi bạt tiếng tôi đi. Tôi chạy xuống nước. Người ta không thấy tôi.

Mưa bắt đầu rơi, và gió đập nước mưa vào mặt tôi. Tôi đưa tay lên vẫy chiếc tàu nhưng chiếc tàu chậm chạp rời xa. Tàu đi về phía nam. Tôi đứng đó cho đến khi không thấy gì nữa!

CHƯƠNG XII

CHUYẾN DU HÀNH VỀ HƯỚNG ĐÔNG

Hai năm trôi qua chiếc tàu mới trở lại. Đó là vào một buổi sáng đẹp trời, biển lặng, mây trắng trên trời cao. Tôi thấy chiếc tàu khi tàu còn ở xa ngoài khơi. Đến trưa tàu giương buồm về hướng đảo.

Những người đàn ông chèo xuồng đến bãi, và đốt lửa lên. Tôi nhìn họ từ trên đồi cao. Tôi nghĩ đến người đàn ông đã hú gọi tôi. Tôi không thể quên cái giọng gọi đó và tôi không thể ngủ suốt cả đêm đó!

Tôi nhớ lại lúc chị Ulape của tôi đi khỏi đảo Cá Heo Xanh. Chị lúc đó chưa có chồng, do vậy chị vẽ một lần xanh mỏng lên mặt. Giờ đây tôi cũng làm thế. Và tôi tự cười lấy mình. Những cô gái trẻ của dân tộc tôi đều vẽ lần xanh như thế.

Tôi nhóm lửa và nấu thức ăn cho tôi và cho Rontu-Aru. Tôi không đói, con chó ăn luôn phần của tôi.

“Chúng mình sẽ ra đi,” tôi nói với nó. “Đi khỏi đảo này”. Nó nằm xuống và ngủ thiếp.

Tôi cố tưởng tượng về những người da trắng và xứ sở của họ. Tôi không có ý niệm chi về một nơi nào khác. Tôi chỉ biết có đảo của tôi. Tôi không thể nhớ rõ gương mặt của bộ tộc tôi, ngay cả bộ mặt của chị Ulape. Con tim tôi trĩu nặng!

Tôi trông thấy ba người đàn ông trước khi họ thấy căn nhà của tôi. Một người có dáng người thấp, khoác một áo khoác dài màu xám. Họ thấy khói từ bếp lửa của tôi và vội đi đến đó.

Tôi bước ra ngoài nhìn họ. Người đàn ông với cái áo khoác màu xám là chỉ huy của họ. Y có một xâu chuỗi hạt trai đeo ở cổ. Ở cuối sợi dây có cái gì đó chiếu sáng. Y đưa tay lên, ra một dấu hiệu gì đó về hướng tôi. Cái dấu hiệu đó giống như vật đeo ở cổ y.

Một người khác nói chuyện với tôi. Lời nói của y làm thành những âm thanh kì lạ. Tôi suýt bật cười nhưng cố cắn răng lại.

Tôi ra dấu ý nói tôi không hiểu. Sau đó tôi mỉm cười với y. Y bắt đầu nói chậm lại, lời nói có vẻ dịu dàng. Đó là những tiếng nói của con người. Không có bất cứ âm thanh nào giống như tiếng nói của con người trên thế giới.

Họ hỏi tôi bằng cách ra dấu, hỏi tôi có muốn đi với họ không. Tôi chỉ cho họ thấy cái túi xách đã chuẩn bị của tôi, sau đó tôi đi theo họ ra biển. Họ thích xâu chuỗi hạt trai, cái áo khoác và cái váy lông chim của tôi. Chúng tôi đến chỗ đốt lửa của họ trên bãi biển. Người chỉ huy bảo tôi cần phải có một áo dài. Tôi biết thế vì có một người đo tôi bằng một sợi dây. Họ đo tôi từ cổ xuống chân.

Cái áo dài màu xanh. Một người trong bọn họ cắt hai cái áo rộng và may áo cho tôi bằng mớ vải đó. Y ngồi trên một tảng đá và ráp các mảnh vải với nhau bằng một sợi chỉ trắng. Đôi khi y ướm ướm cái áo bên trước tôi. Y mỉm cười tỏ vẻ hài lòng. Tôi thích mặc cái váy lông chim và cái áo khoác bằng da rái cá hơn. Các thứ này đẹp hơn cái áo y đang may.

Cái áo dài giống như áo khoác của vị chỉ huy hơn là áo dài của con gái. Mặc nó vào rất nóng. Nhưng tôi vẫn mỉm cười và xếp cái váy lông chim của tôi vào một trong các túi xách. Tôi sẽ

mặc nó khi không có bọn đàn ông ở chung quanh. Tàu neo ở đảo chín ngày. Bọn họ muốn đi săn rái cá, nhưng không săn được con nào. Tôi biết vài con trong bọn chúng nhớ người Aleut. Bọn chúng đã lợi đi xa khi tàu tới đảo.

Tôi biết bọn chúng đang ở trên đệm tảo ở Đá Dựng. Bọn người này rờ rẫm cái áo khoác da rái cá và khoe với tôi các cây giáo của họ. Tôi không nói chi với họ. Tôi không muốn họ giết những người bạn của tôi.

Tôi đã cố hỏi họ có biết dân tôi ở đâu không. Họ đáp họ không biết gì cả. Sau này khi đến Santa Barbara, tôi gặp một người đàn ông tên gọi Cha Gonzales. Ông này bảo bộ tộc tôi đã đến xứ sở ông một cách an toàn. Về sau này một cơn bão lớn đã đánh hỏng chiếc tàu. Không còn chiếc tàu nào ở vùng bờ biển này. Do vậy những người da trắng không thể trở lại rước tôi đi.

Chúng tôi ra đi vào ngày thứ mười. Một buổi sáng có bầu trời xanh trong và không có gió. Tôi đứng trên tàu và nhìn lại Đảo Cá Heo Xanh. Phần cuối cùng mà tôi thấy là ngọn đồi của tôi. Tôi nhớ đến Rontu, nó đã nằm ở lại đó. Tôi nghĩ đến Won-a-nee và con cáo nhỏ màu đỏ. Tôi nhớ đến con xuồng để bên trong hang động.

Cá heo lội và phóng lên khỏi mặt nước trước mũi tàu. Chung quanh tôi, tôi nghe tiếng nói của bộ tộc tôi. Mấy con chim bé nhỏ của tôi đang hót bên trong cái lồng bằng gỗ. Và Rontu-Aru ngồi nép bên cạnh tôi.

★★★

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>